

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

TRỊNH KIÊN CƯỜNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Hải Phòng - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TRỊNH KIÊN CƯỜNG

GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC
KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN HÀNG TIÊU DÙNG
NHẬP KHẨU TẠI HẢI QUAN HẢI PHÒNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THANH

Lời cảm ơn

Trước hết, tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất tới thầy giáo PGS. TS. Nguyễn Văn Thanh – người thầy đã chỉ bảo, hướng dẫn và tận tình bổ sung góp ý, giúp tác giả hoàn thành luận văn này.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn tới các thầy, cô giáo khoa Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã dạy và truyền đạt những kiến thức bổ ích trong quá trình học tập cũng như tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tác giả trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Để hoàn thành luận văn, tác giả xin cảm ơn Chi cục kiểm tra sau thông quan - Cục hải quan TP Hải Phòng đã tạo điều kiện, giúp đỡ tác giả rất nhiều trong quá trình tìm hiểu thông tin, thu thập số liệu để hoàn thành luận văn đúng thời hạn.

Lời cảm ơn đặc biệt xin được gửi cho người vợ yêu thương - người đã chịu nhiều hy sinh thời gian và công việc cá nhân của mình để giúp đỡ cho tác giả. Cảm ơn bố mẹ, bạn bè và các con đã động viên về tinh thần để tác giả có thể thu xếp công việc theo đuổi khóa học và hoàn thành luận văn đúng hạn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày ... tháng...năm 2018.

Học viên cao học

Trịnh Kiên Cường

Lời cam đoan

Tác giả Luận văn Cao học đề tài: “**Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng**” là Công trình nghiên cứu độc lập riêng của Tác giả dưới sự hướng dẫn của Giáo viên, PGS.TS. Nguyễn Văn Thanh

Các số liệu, thông tin trong Luận văn có nguồn gốc rõ ràng và khách quan. Học viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức và tính trung thực của Luận văn Cao học này.

Hải Phòng, ngày... tháng...năm 2018

Học viên Cao học

Trịnh Kiên Cường

DANH MỤC CÁC TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải nghĩa
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
CBCC	Cán bộ công chức
KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
XNK	Xuất nhập khẩu
PTVT	Phương tiện vận tải
XNC	Xuất nhập cảnh
UNCTAG	Tổ chức Phát triển nông thôn của Liên hiệp quốc
GTVT	Giao thông vận tải
VNA-CCS/VCIS	Thông quan điện tử
WCO	Tổ chức Hải quan Thế Giới
ICD	Thông quan nội địa
TCHQ	Tổng cục hải quan
NSNN	Ngân sách nhà nước
HQTP	Hải quan thành phố
FTA	Hiệp định thương mại tự do
SXXX	Sản xuất xuất khẩu
TM	Thương mại
DMRR	Danh mục rủi ro
XK	Xuất khẩu
SHTT	Sở hữu trí tuệ
GC	Gia công
STQ	Sau thông quan

CNTT	Công nghệ thông tin
C/O	Chứng nhận xuất xứ
QLRR	Quản lý rủi ro
VPHC	Vi phạm hành chính
NVLT	Nguyên liệu vật tư
SPDD	Sản phẩm dở dang
TP	Thành phẩm

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Số hiệu	Tên bảng	Trang
2.1	Thống kê số lượng phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cảng biển Hải Phòng	32
2.2	Thống kê số lượng hành khách xuất nhập cảnh qua cảng hàng không quốc tế Cát Bi năm 2017	33
2.3	Thực trạng kết quả thu ngân sách năm 2017	34
2.4	Thực trạng về tình hình nợ đọng ngân sách năm 2017	36
2.5	Tình hình xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại	38
2.6	Tình hình phân luồng tờ khai hải quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	39
2.7	Số lượng tiêu chí thiết lập trên VCIS tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	39
2.8	Kết quả kiểm tra hàng hóa qua máy soi	40
2.9	Kết quả thu ngân sách trong kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu	41
3.1	Dự báo kết quả thu Ngân sách nhà nước	61
3.2	Dự báo Số cuộc kiểm tra sau thông quan	61
3.3	Tóm tắt các bước thực hiện giải pháp 1	64
3.4	Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 1 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019	64
3.5	Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 1	64
3.6	Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 2	71
3.7	Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 3 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019	76
3.8	Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 3	76

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Số hiệu	Tên sơ đồ	Trang
2.1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hải quan Hải Phòng	27
3.1	Lợi ích giải pháp 1	65
3.2	Lợi ích của giải pháp 2	72
3.3	Lợi ích của giải pháp 3	77

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
LỜI CAM ĐOAN.....	ii
DANH MỤC CÁC TỪ, CỤM TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ.....	vi
MỤC LỤC.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết và lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích, giới hạn và nhiệm vụ	3
2.1. Mục đích.....	3
2.2. Giới hạn.....	4
2.3. Nhiệm vụ.....	4
3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	4
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Tổng quan nghiên cứu.....	5
5.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước.....	5
5.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu ngoài nước	6
5.3. Nội dung kế thừa và xác định khoảng trống nghiên cứu.....	7
6. Kết cấu của Đề tài.....	7
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ NÂNG CAO KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN	9
1.1. Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan	9
1.1.1. Khái niệm về kiểm tra sau thông quan.....	9
1.1.2 Các đặc điểm của hoạt động kiểm tra sau thông quan [16],[22].....	11
1.1.3. Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sau thông quan trong hoạt động hải quan hiện đại [16].....	12
1.1.4. Các bộ phận tham gia vào hoạt động kiểm tra sau thông quan.....	13

1.1.5. Phân tích, xử lý thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan	14
1.2. Cơ sở lý thuyết về nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng [9],[13]	20
1.2.1. Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp nhập khẩu hàng tiêu dùng	20
1.2.2 Cơ sở lý thuyết về việc xây dựng chế tài xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu [9],[13],[28].....	21
1.2.3 Cơ sở lý thuyết về việc hoàn thiện quy chế khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu [9],[13].....	22
1.3. Tiểu kết chương 1 và nhiệm vụ chương 2.....	23
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ KIỂM TRA SAU THÔNG HÀNG TIÊU DÙNG NHẬP KHẨU HẢI QUAN HẢI PHÒNG.....	24
2.1. Giới thiệu chung về Hải quan Hải Phòng trong 2013-2018.....	24
2.1.1. Lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức và chức năng của Cục Hải quan Hải Phòng.....	24
2.1.2. Hoạt động của Hải quan Hải Phòng.....	28
2.2 Thực trạng tình hình kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	32
2.2.1. Công tác kê khai xuất nhập khẩu [11],[12],[13].....	32
2.2.2.Công tác quản lý thuế [11],[12],[13].....	33
2.2.3. Kết quả thu ngân sách nhà nước	34
2.3. Thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng.....	40
2.3.1. Công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu	40
2.3.2. Các vấn đề đặt ra đối với công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu	43

2.3.2.1. Các dấu hiệu sai phạm và gian lận trong hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng.....	43
2.3.2.2. Vấn đề xây dựng chế tài xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng.....	45
2.3.2.3. Vấn đề liên quan đến hoàn thiện nội quy khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng	46
2.4. Tiểu kết chương 2 và nhiệm vụ chương 3.....	48
CHƯƠNG 3. XU HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN HÀNG TIÊU DÙNG NHẬP KHẨU TẠI HẢI QUAN HẢI PHÒNG.....	50
3.1. Xu hướng chiến lược của Hải quan Việt Nam hội nhập với Hải quan thế giới giai đoạn 2019-2023.....	50
3.1.1 Thống nhất quan điểm chỉ đạo [6],[14].....	50
3.1.2 Mục tiêu phấn đấu [6],[14].....	50
3.1.3. Nhiệm vụ cụ thể [6],[14].....	51
3.1.3.1. Về thể chế.....	51
3.1.3. 2. Về công tác nghiệp vụ hải quan	51
3.1.3.3. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực	52
3.1.3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin thời đại 4.0.....	53
3.1.4. Mục tiêu phấn đấu trong năm năm tiếp theo 2019-2023	54
3.1.5. Một số chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện [10].....	55
3.2 Định hướng của Hải quan Hải Phòng trong xu hướng hội nhập của Hải quan Việt Nam [10].....	56
3.2.1. Chú trọng công tác xây dựng lực lượng hải quan trong sạch, vững mạnh	56
3.2.2. Hiện đại hóa Hải quan, đơn giản hoá thủ tục hải quan.....	57
3.2.3. Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu nộp ngân sách nhà nước	58
3.2.4. Tăng cường hoạt động chống gian lận thương mại	59

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu	62
3.3.1. Giải pháp 1: Hoàn thiện quy trình để nâng cao hiệu quả KTSTQ tại Hải quan Hải Phòng đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu	62
3.3.2. Giải pháp 2: Xây dựng chế tài khen thưởng và xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan nhập khẩu hàng tiêu dùng tại Hải quan Hải Phòng.	66
3.3.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện quy chế khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng.....	73
3.4. Tiểu kết chương 3	78
PHẦN KẾT LUẬN & KHUYẾN NGHỊ	81
1. Kết luận	81
2. Khuyến nghị	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	83

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết và lý do chọn đề tài

Trong xu thế hội nhập đặc biệt Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại WTO thì ngành hải quan càng có nhiều cơ hội để nâng cao hiệu quả theo các tiêu chuẩn quốc tế. Theo thống kê năm 2017 có 25% lượng hàng xuất nhập khẩu làm thủ tục qua cảng Hải Phòng [12]. Trong những năm gần đây, lượng kim ngạch xuất nhập khẩu qua cảng Hải Phòng ngày càng tăng do vậy số lượng tờ khai làm thủ tục cũng tăng lên đáng kể.

Cùng với xu thế chung của toàn cầu hóa, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam thời gian qua tăng mạnh năm sau cao hơn năm trước cả về kim ngạch và số lượng tờ khai XNK. Tổng kim ngạch trong 3 năm (2015-2017) hơn 1000 tỷ USD trên tổng số tờ khai 20 triệu tờ khai. Riêng năm 2017 kim ngạch đạt 425 tỷ USD trên tổng số 8 triệu tờ khai [12].

Đứng trước thời cơ và thách thức đó, bên cạnh việc làm thế nào để nâng cao hiệu quả ngành hải quan trở thành một trong các nguồn thu chủ đạo của ngân sách nhà nước thì việc nghiên cứu thực tế nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp cũng như yêu cầu hội nhập trong thời đại nâng cao hiệu quả cách mạng công nghiệp 4.0 cũng như tìm ra khó khăn của việc thu thuế để có hướng khắc phục là điều vô cùng quan trọng.

Hải Phòng là một trong ba thành phố lớn của đất nước Việt Nam. Với nguồn cảng biển, cảng sông và đường bộ thuận lợi, phong phú và đa dạng, đặc biệt là khu vực cảng biển rất thuận lợi cho việc nhập khẩu hàng hóa ra nước ngoài đem lại nguồn thuế đáng kể cho ngân sách Tp Hải Phòng nói riêng và ngân sách nhà nước nói chung. Hải Phòng có đủ những điều kiện và khả năng vượt trội để nâng cao hiệu quả mở rộng lĩnh vực xuất nhập khẩu. Trong những năm qua Hải quan Hải Phòng đã nâng cao hiệu quả với tốc độ cao, đóng góp tích cực vào sự nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của Thành phố. Tuy nhiên sự nâng cao hiệu quả trên vẫn chưa tương xứng với tiềm năng,

tài nguyên và vị thế vốn có của Hải Phòng. Một phần vì chất lượng phục vụ doanh nghiệp còn chưa cao, cán bộ công chức còn mang nặng tính công quyền, việc phát hiện xử lý các gian lận thương mại của doanh nghiệp chưa triệt để, chưa mang tính quyết liệt, sức đấu tranh còn hạn chế, do vậy chưa thu hút được số lượng doanh nghiệp lớn về làm thủ tục tại Cục hải quan Tp Hải Phòng cũng như gây thất thoát một lượng thuế không nhỏ cho ngân sách nhà nước nói chung và thành phố nói riêng.

Trước xu hướng người Việt ngày càng có “mốt” “chuộng hàng ngoại”, các doanh nghiệp đã nắm bắt được xu hướng này mà nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng về phân phối, tìm kiếm lợi nhuận. Đứng trước xu thế đó, ngành Hải quan Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách về thuế và thủ tục để tạo điều kiện cho DN hoạt động trong lĩnh vực này. Cụ thể, Luật Hải quan và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành đã cắt giảm nhiều thủ tục Hải quan đối với loại hình nhập tiêu dùng. Luật Thuế Nhập khẩu, Thuế nhập khẩu năm 2016 đã đưa ra quy định miễn thuế đối với nguyên liệu, vật tư sản xuất nhập khẩu tương tự như quy định quản lý đối với hàng nhập tiêu dùng nhập khẩu thay vì ân hạn thuế 275 ngày như trước đây [12].

Khẳng định rằng các chính sách của Nhà nước đã tạo ra môi trường thuận lợi để doanh nghiệp nhập tiêu dùng phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, góp phần nâng cao kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước và giải quyết ngày càng nhiều việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, bên cạnh các doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, qua công tác KTSTQ, lực lượng KTSTQ trong các năm vừa qua đã phát hiện một số doanh nghiệp nhập tiêu dùng nhập khẩu để lợi dụng chính sách thông thoáng, đơn giản về thủ tục, ưu đãi về thuế của Nhà nước để gian lận, khai báo không đúng theo định mức thực tế sản xuất, không đúng số liệu theo dõi xuất nhập tồn thực tế quản lý tại doanh nghiệp).

Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu vừa đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu nhanh chóng tại Hải quan Tp Hải Phòng vừa đảm bảo không sót lọt nguồn thu của ngân sách nhà nước là việc làm cần thiết để cải thiện tình hình trên, đáp ứng nhu cầu nâng cao hiệu quả kinh tế hội nhập của Hải Phòng. Và đề tài “**Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng**” được chọn là nhằm mục đích trên. Nghiên cứu còn mong muốn tăng cường tính tuân thủ của doanh nghiệp, tính chuyên nghiệp của cán bộ công chức hải quan mà vẫn đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Hải quan Hải Phòng.

2. Mục đích, giới hạn và nhiệm vụ

2.1. Mục đích

- Nghiên cứu về lý thuyết kiểm tra sau thông quan, các hình thức kiểm tra sau thông quan, vai trò của kiểm tra sau thông quan trong hoạt động nhập khẩu và cơ sở lý thuyết của các giải pháp nhằm tăng thuế đối với các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Thành phố Hải Phòng.

- Từ các cơ sở lý thuyết trên, phân tích đánh giá thực trạng kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan Hải Phòng, đặc biệt là đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu.

- Nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu của Cục Hải quan Hải Phòng.

- Tìm hiểu được lợi ích của việc **hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu** dành cho từng đối tượng mặt hàng nhập khẩu của doanh nghiệp.

2.2. Giới hạn

Đề tài tập trung chủ yếu vào việc nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra sau thông quan cho đối tượng doanh nghiệp thực hiện hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

2.3. Nhiệm vụ

- Luận giải cơ sở lý luận về kiểm tra sau thông quan, đối tượng kiểm tra sau thông quan, các dấu hiệu kiểm tra sau thông quan, và vai trò của kiểm tra sau thông quan trong hoạt động Hải quan hiện đại.

- Phân tích và đánh giá thực trạng kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng.

- Bước đầu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan cho các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu trong địa bàn Hải Phòng.

3. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài đi sâu vào nghiên cứu giải pháp kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Thành phố Hải Phòng và sức ảnh hưởng của nó đối với doanh nghiệp nhập khẩu hàng tiêu dùng tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập tài liệu:

Phương pháp này dựa trên nguồn thông tin thu thập được từ những tài liệu tham khảo có sẵn bao gồm các Luật, Nghị định, Thông tư liên quan đến lĩnh vực Hải quan, Thuế và quản lý nhà nước. Phương pháp này cũng dựa vào các kết quả đánh giá tại các Báo cáo tổng kết hàng năm của Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan Hải Phòng và của các Hội nghị chuyên đề để xây dựng cơ sở lý thuyết cho các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan.

- Phương pháp phân tích tổng hợp:

Phương pháp này nghiên cứu và xem xét lại những thành quả thực tiễn đã được của Hải quan Hải Phòng trong những năm trước đây. Phương pháp cũng phân tích các mặt mạnh, mặt yếu, cơ hội và đánh giá xu hướng của Cục Hải quan Hải Phòng trong những năm tiếp theo.

-Phương pháp chuyên gia: Là phương pháp sử dụng trí tuệ của đội ngũ chuyên gia để xem xét nhận định bản chất của đối tượng, tìm ra một giải pháp tối ưu.

- Phương pháp hệ thống hóa lý thuyết:

Phương pháp này góp phần hệ thống cơ sở lý thuyết về kiểm tra sau thông quan và cụ thể là lý thuyết kiểm tra sau thông quan đối với mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu của doanh nghiệp.

5. Tổng quan nghiên cứu

5.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước

Công tác kiểm tra sau thông quan tại các Cục Hải quan trên cả nước hiện nay đang được cả giới khoa học và các bộ ngành cũng như Chính phủ rất quan tâm. Chính vì vậy mà có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Tổng cục, Cục Hải quan cũng như các luận văn Thạc sĩ, luận án Tiến sĩ về kiểm tra sau thông quan với các lĩnh vực trị giá, mã số, rủi ro thông quan... như: Đề tài của tác giả Nguyễn Thành Biên (2015) về “Hoàn thiện cơ chế kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại cục hải quan tỉnh Hà Giang”, luận văn thạc sĩ Quản lý Kinh tế chương trình định hướng thực hành, Trường Đại học Kinh tế Đại học Quốc gia Hà Nội [7]; Nghiên cứu của Nguyễn Văn Thọ (2016) tại Cục Điều tra chống buôn lậu về đề tài “Cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp kiểm soát chống hàng giả có nguồn gốc nhập khẩu đến năm 2020” [30]; Tác giả Nguyễn Thị Quỳnh Chi (2011) với đề tài “Hoàn thiện hoạt động kiểm tra sau thông quan ở nước ta trong giai đoạn hiện nay” Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương [8]; Tác giả Nguyễn Hiền (2018), bài đăng trên Báo mới (trang thông tin điện tử) với bài “Bàn giải pháp nâng

cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan” [17]; Trần Thị Na, (2011) với đề tài “Hoàn thiện tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu do Hải quan Việt Nam thực hiện” Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân [19]; Trần Vũ Minh (2007), “Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng cho Việt Nam”, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại thương [20]; Tác giả Hoàng Tùng (2010) với đề tài “Bàn về quy trình kiểm tra sau thông quan trong hoạt động quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của Hải quan Việt Nam” bài đăng trên Tạp chí khoa học và công nghệ, số 21, trang 7 [29]...

Các đề án của Tổng Cục Hải Quan, của các cơ quan ban ngành về lĩnh vực sau thông quan như: Văn Bá Tín (2012), “Nghiên cứu phương pháp Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thông quan điện tử” - đề án cấp ngành của tổng Cục Hải quan [25]; Tổng Cục Hải quan (2017) có đề tài nghiên cứu khoa học “Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan” đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Cục Hải Quan Việt Nam [29]; Chi cục Kiểm tra sau thông quan Hải Phòng trong năm 2018 cũng triển khai đề tài “Các biện pháp kiểm soát quản lý rủi ro trong kiểm tra sau thông quan” [15]; Bộ Tài Chính, Tổng cục Hải quan (2018) đã ban hành Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan [4]... Đây chính là các nghiên cứu rất rất đáng tham khảo.

5.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu ngoài nước

Trên thế giới có nhiều cuộc khảo sát điều tra nghiên cứu trong lĩnh vực hải quan liên quan đến các khía cạnh khác nhau. Việc nghiên cứu về lĩnh vực kiểm tra sau thông quan cũng rất đa dạng. Trong quá trình nghiên cứu đề tài luận văn thạc sỹ của mình tác giả có tìm hiểu thêm một số nghiên cứu liên quan được công bố của Hải quan ASSEAN, Hải Quan Mỹ, Nhật, Trung Quốc và các nghiên cứu của World Bank về công tác kiểm tra sau thông quan. Các

tài liệu trên đều nghiên cứu trong bối cảnh tự do hóa thương mại ứng với điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Đây cũng chính là những nguồn tài liệu tham khảo tốt cho nghiên cứu của mình [31],[32],[33],[35],[36].

5.3. Nội dung kế thừa và xác định khoảng trống nghiên cứu

Hầu hết các đề tài nghiên cứu đều đề cập đến khái niệm kiểm tra sau thông quan theo quy định của luật Hải quan. Các nghiên cứu cũng chỉ rõ đặc điểm, vai trò của công tác kiểm tra sau thông quan. Các nghiên cứu đã phân tích cụ thể quy trình kiểm tra sau thông quan theo luật và rút ra những ưu nhược điểm theo từng nghiên cứu để từ đó đưa ra giải pháp khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra sau thông quan. Hầu hết các nghiên cứu đều đưa ra giải pháp và kiến nghị liên quan đến các vấn đề: Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra sau thông quan; Nâng cao năng lực và trình độ của cán bộ công chức làm nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan; Hoàn thiện quy trình thủ tục kiểm tra sau thông quan; Tăng cường phối hợp liên thông giữa các cơ quan ban ngành; Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp - đối tượng chịu sự kiểm tra sau thông quan. Nhìn chung các nghiên cứu đều tập trung vào mục tiêu phát triển và hoàn thiện nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan. Nhưng tại các thời điểm khác nhau sẽ có những vấn đề tồn tại khác nhau gây nhiều bất lợi cho công tác kiểm tra sau thông quan trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhập khẩu nói riêng và lĩnh vực thông quan nói chung tại các Cục Hải quan và Chi cục hải quan các tỉnh. Việc nghiên cứu thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Cục Hải quan Hải Phòng nhằm đề ra các giải pháp sát thực và khả thi nhằm khắc phục những vấn đề bất lợi còn tồn tại trong công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng hiện nay.

6. Kết cấu của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn được chia thành 03 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan và cơ sở lý thuyết về nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan.

Chương 2. Phân tích và đánh thực trạng kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng

Chương 3. Xu hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ NÂNG CAO KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

1.1. Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan

1.1.1. *Khái niệm về kiểm tra sau thông quan*

Kiểm tra hải quan là một hệ thống tổng thể bao gồm các biện pháp kiểm tra khác nhau như kiểm tra hải quan trước thông quan, kiểm tra hải quan trong quá trình thông quan hàng hoá XNK và KTSTQ. Ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX, Hội đồng hợp tác Hải quan thế giới đã bắt tay vào nghiên cứu các biện pháp tiến hành kiểm tra sau khi hàng hóa đã được thông quan [22]

Kiểm tra sau thông quan là phương pháp quản lý hiện đại của bộ máy quản lý Nhà nước về Hải quan dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro, được tiến hành trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá rủi ro đối với những hoạt động nhập khẩu, nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục thông quan hàng hóa.

KTSTQ là một trong những biện pháp đấu tranh chống gian lận thương mại có hiệu quả nhất. vì vậy hiện nay Hải quan nhiều nước, khu vực thuộc tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã áp dụng các biện pháp KTSTQ.

Thuật ngữ “Kiểm tra sau thông quan ” (post clearance audit – PCA) hay còn gọi là “kiểm toán hải quan” hay “kiểm tra trên cơ sở kiểm toán” là một vấn đề mới trong lĩnh vực nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan, là một mắt xích trong chuỗi các hoạt động kiểm tra của cơ quan Hải quan nhằm bắt buộc người khai hải quan tuân thủ các quy định của pháp luật, KTSTQ là khâu cuối cùng trong chuỗi quy định đó. Kết quả của KTSTQ là tiền đề để xem xét xây dựng các tiêu chí đánh giá người khai hải quan có chấp hành tốt pháp luật hay không, từ đó phục vụ công tác quản lý của hải quan theo nguyên tắc đánh giá QLRR khi lựa chọn phương pháp kiểm tra hải quan

trong quá trình thông quan hàng hoá, làm cơ sở để định hướng kiểm tra có trọng điểm, trọng tâm trước khi thông quan. Các khâu liên hoàn trong công tác kiểm tra gắn kết với nhau một cách logic. Tùy theo đặc điểm hoạt động và biện pháp quản lý tại mỗi khu vực, mỗi quốc gia khác nhau có các quan niệm khác nhau về KTSTQ [22].

Kiểm tra sau thông quan theo định nghĩa của UNCTAD là việc kiểm tra Hải quan trên cơ sở kiểm toán sau khi Hải quan giải phóng hàng nhằm kiểm tra tính chính xác và hợp lệ của các tờ khai, các dữ liệu thương mại, hệ thống kinh doanh, hồ sơ, sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Kết quả kiểm tra sau thông quan là một trong những nguyên liệu đầu vào cho công tác quản lý rủi ro và là tiêu chí đánh giá doanh nghiệp ưu tiên .

Theo Pháp luật Hải quan Việt Nam thì kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan Hải quan nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực của nội dung các chứng từ mà chủ hàng hóa hoặc người được ủy quyền, tổ chức, các nhân trực tiếp nhập khẩu, nhập khẩu đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan Hải quan, nhằm ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về Hải quan, gian lận thuế, vi phạm chính sách quản lý xuất nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu, nhập khẩu đã được thông quan [22].

Kiểm tra sau thông quan gồm có: Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan và kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Doanh nghiệp. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan là hoạt động thường xuyên của cơ quan Hải quan nhằm đánh giá việc chấp hành pháp luật về thuế và pháp luật về hải quan của doanh nghiệp. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan được thực hiện theo kế hoạch đã được xác định cho từng giai đoạn, của từng đơn vị hoặc khi có thông tin, dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật về thuế liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan được thực hiện bằng việc thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin từ các cơ sở dữ liệu của ngành về doanh nghiệp, mặt

hàng, loại hình xuất nhập khẩu được kiểm tra. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan nhằm thẩm định tính chính xác, trung thực các khai báo hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu đã được thông quan và được thực hiện tại trụ sở doanh nghiệp.

Các trường hợp kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp bao gồm: kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra chọn mẫu, kiểm tra khi có dấu hiệu doanh nghiệp vi phạm pháp luật hoặc có khả năng vi phạm pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan.

Quy trình kiểm tra sau thông quan quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ và nội dung tiến hành các bước công việc từ thu thập thông tin, xác định đối tượng kiểm tra, thực hiện kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra và giải quyết các công việc có liên quan đến kết quả kiểm tra của cơ quan hải quan, công chức/nhóm công chức hải quan thực hiện kiểm tra sau thông quan.

1.1.2 Các đặc điểm của hoạt động kiểm tra sau thông quan [16],[22]

- *Tính vô hình*: Kiểm tra sau thông quan thường là một kinh nghiệm ngên rất dễ dàng bị sao chép, bắt chước và việc làm khác biệt hóa nghiệp vụ mang tính khó khăn hơn so với trong thông quan.

- *Tính tách biệt giữa hàng hóa và sổ sách*: Vì kiểm tra sau thông quan thực hiện kiểm tra hàng hóa sau khi thông quan nên thực tế cơ quan hải quan kiểm tra thì thương hàng hóa đã được bán xuất kho hoặc đã lưu thông ra ngoài thị trường.

- *Tính chủ động*: Đối với kiểm tra sau thông quan, cơ quan hải quan chủ động kiểm tra và doanh nghiệp không thể biết lúc nào bị kiểm tra và chỉ khi nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan thực hiện thì doanh nghiệp mới biết mình có thực sự tuân thủ pháp luật hay không.

1.1.3. Nguyên tắc thực hiện kiểm tra sau thông quan trong hoạt động hải quan hiện đại [16]

Áp dụng quản lý rủi ro trong việc lựa chọn đối tượng, phạm vi, nội dung kiểm tra sau thông quan.



Các đơn vị khi thực hiện kiểm tra sau thông quan có trách nhiệm phối hợp chia sẻ thông tin với các đơn vị trong ngành Hải quan, đảm bảo hoạt động kiểm tra đúng quy định, hiệu quả, tránh trùng lặp, không gây phiền hà cho người khai hải quan. Đồng thời phản hồi các hệ thống thông tin, dữ liệu của ngành Hải quan để thực hiện biện pháp quản lý, kiểm tra theo quy định.

Lãnh đạo các cấp, công chức liên quan trực tiếp đến cuộc kiểm tra có trách nhiệm: bảo mật thông tin liên quan đến cuộc kiểm tra, không được cung cấp thông tin cho bất kỳ tổ chức, cá nhân không liên quan khi chưa được sự phê duyệt của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan/ Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan/ Cục trưởng Cục Hải quan/ Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan/ Chi cục trưởng Cục Hải quan/ Chi cục trưởng Chi cục Hải quan.

Thu thập xử lý thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan là công việc chủ động thường xuyên hàng ngày của công chức/ nhóm công chức được giao thực hiện công tác kiểm tra sau thông quan tại Chi cục Hải quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Cục kiểm tra sau thông quan để đảm bảo phân tích theo dõi, đánh giá phân loại người khai hải quan có hồ sơ đã được thông quan tại Chi cục (đối với Chi cục Hải quan), người khai hải quan nằm trong địa bàn quản lý (đối với Chi cục Kiểm tra sau thông quan).

Như vậy, về mặt pháp lý ở hầu hết các nước, các tổ chức liên quan đến hải quan đều coi KTSTQ là một khâu nghiệp vụ của cơ quan Hải quan.

KTSTQ không phải là một lĩnh vực khoa học riêng biệt mà là hoạt động nghiệp vụ của cơ quan Hải quan trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học của các ngành khoa học khác như kiểm toán, xác suất thống kê, QLRR, điều tra, giám định.

Hoạt động KTSTQ được thực hiện nhằm các mục đích sau đây:

Thứ nhất, đảm bảo việc kê khai hải quan được thực hiện đúng với các quy định của Hải quan thông qua kiểm tra hệ thống, hồ sơ kế toán và tài sản của tổ chức thực hiện thủ tục hải quan.

Thứ hai, kiểm tra giá trị kê khai đã được xác định và thực hiện đúng các nghĩa vụ tài chính;

Thứ ba, tạo điều kiện cho các lĩnh vực thương mại hợp pháp và đúng quy định phát triển

Thứ tư đảm bảo những hàng hóa thuộc những lĩnh vực có kiểm tra đặc biệt phải được khai báo chính xác, ví dụ như những hạn chế, lệnh cấm, giấy phép, quota...

Thứ năm, đảm bảo các điều kiện liên quan đến những thủ tục phê duyệt theo đặc thù được giám sát, ví dụ thủ tục tiền kiểm dịch quá cảnh, chứng chỉ ưu đãi, quota, giấy phép, kho bãi, các hoạt động đơn giản hóa thủ tục khác.

Bên cạnh những mục tiêu trên của KTSTQ, thông qua hoạt động hậu kiểm sẽ hạn chế được những sai sót, gian lận của các khâu trước, từ đó đảm bảo nguồn thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu được đảm bảo. Bên cạnh đó, KTSTQ hỗ trợ các cơ quan Hải quan khai thác bố trí, sắp xếp nhân lực và phương tiện kiểm tra hiệu quả nhất.

1.1.4. Các bộ phận tham gia vào hoạt động kiểm tra sau thông quan

Các chủ thể tiến hành KTSTQ: KTSTQ được thực hiện thông qua bộ máy tổ chức của cơ quan Hải quan từ cấp trung ương xuống đến địa phương. Đối với Hải quan Việt Nam chủ thể tiến hành hoạt động KTSTQ là Cục KTSTQ trực thuộc Tổng cục Hải quan và các Chi cục KTSTQ trực thuộc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố; Khách thể tham gia vào hoạt động KTSTQ là

các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động XNK và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hàng hóa XNK như ngân hàng, bảo hiểm, hãng tàu, vận chuyên, đại lý làm thủ tục hải quan, cảng vụ,...; [16]

Đối tượng của KTSTQ là hồ sơ hải quan, các chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các chứng từ có liên quan đến hàng hóa XNK đã được thông quan trong thời gian quy định của pháp luật; Cách thức KTSTQ gồm kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm hoặc kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra chọn mẫu; kiểm tra tại trụ sở cơ quan Hải quan hoặc kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp; Mối quan hệ giữa các yếu tố trên được thể hiện khi tiến hành mọi hoạt động KTSTQ cụ thể: Chủ thể kiểm tra tiến hành kiểm tra sự tuân thủ pháp luật Hải quan đối với những hàng hóa đang thuộc đối tượng kiểm tra bằng cách thức thích hợp, khách thể kiểm tra có trách nhiệm hợp tác với chủ thể kiểm tra để chứng minh sự tuân thủ pháp luật Hải quan trong quá trình thực hiện các hoạt động XNK [22].

1.1.5. Phân tích, xử lý thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan

** Tại trụ sở Chi cục Hải quan:*

Nguồn thông tin - tập trung vào các nguồn thông tin:

- Thông tin từ Phiếu chuyển nghiệp vụ của bộ phận thông quan theo quy định tại điểm a.2, b.2, khoản 2, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC [2].

- Từ thông tin phản hồi hệ thống từ kết quả kiểm tra sau thông quan của các Chi cục Hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Quy trình này.

- Từ kết quả rà soát những người khai hải quan có dấu hiệu vi phạm tương tự với trường hợp Chi cục đã kiểm tra ấn định.

- Thông tin về dấu hiệu vi phạm từ Hệ thống thông tin quản lý rủi ro.

- Các nguồn thông tin về dấu hiệu vi phạm khác.

Nội dung thu thập thông tin: Thông tin về người khai hải quan như tên, mã số, tình hình hoạt động; Tổng số tờ khai đã được thông quan tại đơn vị, tại các Chi cục Hải quan khác trên toàn quốc (nếu có), các mặt hàng đã nhập khẩu, loại hình nhập khẩu; số lần người khai hải quan đã bị kiểm tra thanh tra,

xử lý vi phạm, ấn định thuế; Quy định pháp luật liên quan đến loại hình, mặt hàng người khai hải quan xuất nhập khẩu, khả năng gian lận sai sót có thể xảy ra, dự kiến số thuế chênh lệch (nếu có); Thông tin khác.

Đánh giá thông tin để phân loại:

Trên cơ sở các nguồn thông tin, nội dung thông tin thu thập được công chức/nhóm công chức tiến hành tổng hợp, phân tích để phân loại thông tin đánh giá, xác định dấu hiệu vi phạm và phân loại người khai hải quan như sau: Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu nghi vấn, dấu hiệu vi phạm pháp luật theo từng mặt hàng, loại hình, lĩnh vực (mã số, trị giá, C/O, chính sách ưu đãi đầu tư và các lĩnh vực khác), trong đó phân loại tiếp với một số trường hợp cụ thể: Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu nghi ngờ về trị giá do bộ phận thông quan chuyển (theo quy định tại điểm a.2, b.2, khoản 2, Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC); Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm, vi phạm tương tự với trường hợp đã được Chi cục Hải quan kiểm tra ấn định và các trường hợp phản hồi trên hệ thống theo khoản 4, Điều 17 Quy trình này; Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan nhập khẩu mặt hàng mới, kim ngạch nhập khẩu lớn, số thuế cao có rủi ro cao cần theo dõi, phân tích tiếp [2].

Sau khi đánh giá thông tin để phân loại, công chức/nhóm công chức tiến hành tra cứu toàn bộ thông tin số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan đã được thông quan trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày hàng hóa được thông quan đến ngày ký ban hành quyết định kiểm tra (sau đây gọi tắt là thời hạn 60 ngày), có dấu hiệu vi phạm theo từng nhóm nêu trên từ đó thực hiện bước lựa chọn đối tượng để đề xuất kiểm tra theo Điều 5 Quy trình này.

** Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Chi cục Kiểm tra sau thông quan.*

- Trường hợp kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm.

Nguồn thông tin: Các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 3 Quy trình này, tập trung vào các nguồn thông tin sau: Từ Phiếu chuyển nghiệp vụ

theo quy định tại khoản 2, Điều 16 Quy trình này; Từ thông tin phản hồi hệ thống từ kết quả kiểm tra sau thông quan của các Chi cục Hải quan theo quy định tại khoản 4, Điều 17 Quy trình này; Từ kết quả rà soát những người khai hải quan có dấu hiệu vi phạm tương tự với trường hợp Chi cục Hải quan/Chi cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra ấn định thuế; Thông tin về dấu hiệu vi phạm từ Hệ thống thông tin quản lý rủi ro; Các nguồn thông tin về dấu hiệu vi phạm khác;

Nội dung thu thập thông tin: thực hiện tương tự như điểm 1.2, khoản 1 của quyết định số 1410/QĐ-TCHQ [3].

Đánh giá thông tin để phân loại: Trên cơ sở các nguồn thông tin, nội dung thông tin thu thập được công chức/nhóm công chức tiến hành tổng hợp, phân tích để phân loại thông tin đánh giá, xác định dấu hiệu vi phạm và phân loại người khai hải quan như sau: Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu nghi vấn, dấu hiệu vi phạm pháp luật theo từng mặt hàng, loại hình, lĩnh vực (mã số, trị giá, C/O, chính sách, ưu đãi đầu tư và các lĩnh vực khác), trong đó phân loại tiếp với một số trường hợp cụ thể: Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm tương tự các trường hợp đã được Chi cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra, ấn định thuế; Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan đã được Chi cục Hải quan kiểm tra đối với các hồ sơ hải quan đã được thông quan trong thời hạn 60 ngày, nhưng chưa thực hiện khai bổ sung các tờ khai có cùng dấu hiệu vi phạm trong ngoài thời hạn 60 ngày đến 5 năm; Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm tương tự đã được một Chi cục Hải quan kiểm tra ấn định nhưng tại các Chi cục Hải quan thuộc địa bàn Cục Hải quan chưa thực hiện kiểm tra; Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan chuyển theo quy định tại điểm g2, khoản 3 điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC; Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu vi phạm theo phiếu chuyển nghiệp vụ của Chi cục Hải quan theo quy định tại khoản 2, Điều 16 Quy trình này, các trường hợp phản hồi trên hệ thống theo

khoản 4, Điều 17 quy trình này, các nguồn thông tin tự thu thập, do cơ quan hải quan cấp trên chỉ đạo và các nguồn thông tin khác; Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan nhập khẩu mặt hàng mới, kim ngạch nhập khẩu lớn, số thuế cao có rủi ro cao cần theo dõi, phân tích tiếp.

Sau khi đánh giá thông tin để phân loại, công chức/nhóm công chức tiến hành tra cứu toàn bộ thông tin số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan (đã được thông quan trong thời hạn 5 năm) có dấu hiệu vi phạm theo từng nhóm nêu trên, từ đó thực hiện bước lựa chọn đối tượng để đề xuất kiểm tra theo Điều 5 định số 1410/QĐ-TCHQ.

** Trường hợp kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.*

Nguồn thông tin: Người khai hải quan có rủi ro do Hệ thống thông tin quản lý rủi ro đưa ra; Thông tin do công chức/nhóm công chức kiểm tra sau thông quan thu thập, đánh giá mức độ rủi ro; Thông tin từ các nguồn khác (thông tin từ các khâu nghiệp vụ hải quan, thông tin do quản lý rủi ro, chống buôn lậu chuyên...) quy định tại Điều 3 định số 1410/QĐ-TCHQ.

Nội dung thu thập thông tin: thực hiện tương tự như điểm 1.2, khoản 1 định số 1410/QĐ-TCHQ [3].

Đánh giá thông tin để phân loại: Trên cơ sở các nguồn thông tin, nội dung thông tin thu thập được, công chức/nhóm công chức thực hiện phân loại hồ sơ, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo các các mức độ rủi ro khác nhau. Đối với trường hợp được phân loại có mức độ rủi ro cao, công chức/nhóm công chức thực hiện tra cứu, rà soát thông tin, dữ liệu trong hệ thống thông tin quản lý tờ khai hải quan (đã được thông quan trong thời hạn 5 năm) từ đó thực hiện lựa chọn đề xuất kiểm tra.

** Thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan:*

Trường hợp kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm.

Nguồn thông tin: Các nguồn thông tin theo quy định tại Điều định số 1410/QĐ-TCHQ, tập trung vào các nguồn thông tin sau: Thông tin từ

Phiếu chuyển nghiệp vụ của Chi cục Hải quan theo quy định tại khoản 2, Điều 16 định số 1410/QĐ-TCHQ; Thông tin phản hồi hệ thống từ kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Chi cục Hải quan, trụ sở Chi cục Kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 4, Điều 17 định số 1410/QĐ-TCHQ; Từ kết quả rà soát những người khai hải quan trên địa bàn Cục Hải quan/toàn quốc có dấu hiệu vi phạm tương tự với trường hợp Cục hải quan/Cục Kiểm tra sau thông quan đã kiểm tra, ấn định; Thông tin về dấu hiệu vi phạm từ Hệ thống thông tin quản lý rủi ro; Các nguồn thông tin về dấu hiệu vi phạm khác [3].

Nội dung thu thập thông tin: tương tự như điểm 1.2, khoản 1 định số 1410/QĐ-TCHQ [3].

Đánh giá thông tin để phân loại: Trên cơ sở các nguồn thông tin, nội dung thông tin thu thập được công chức/nhóm công chức tiến hành tổng hợp, phân tích để phân loại thông tin đánh giá, xác định dấu hiệu vi phạm và phân loại người khai hải quan như sau: Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu nghi vấn, dấu hiệu vi phạm pháp luật theo từng mặt hàng, loại hình, lĩnh vực (mã số, trị giá, C/O, chính sách, ưu đãi đầu tư và các lĩnh vực khác), trong đó phân loại tiếp với một số trường hợp cụ thể: Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có cùng dấu hiệu vi phạm hoặc vi phạm tương tự đã được Chi cục Kiểm tra sau thông quan/Cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra, ấn định thuế. Đối với các trường hợp Chi cục Hải quan kiểm tra tại cơ quan hải quan hoặc Chi cục Kiểm tra sau thông quan đã kiểm tra, ấn định thuế theo quy định, thì thực hiện rà soát thông tin về dấu hiệu vi phạm tương tự của những người khai hải quan khác trên địa bàn Cục Hải quan/toàn quốc. Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan có dấu hiệu vi phạm theo phiếu chuyển nghiệp vụ của Chi cục Hải quan theo quy định tại khoản 2, Điều 16 Quy trình này, các trường hợp phản hồi trên hệ thống theo khoản 4, Điều 17 Quy trình này, các nguồn thông tin tự thu thập, do cơ quan hải quan cấp trên chỉ đạo và các nguồn thông tin khác. Nhóm hồ sơ hải quan/người khai hải quan nhập

khẩu mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn, số thuế cao có rủi ro cao cần theo dõi, phân tích tiếp.

Sau khi đánh giá thông tin để phân loại, công chức/nhóm công chức tiến hành tra cứu toàn bộ thông tin số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan (đã được thông quan trong thời hạn 5 năm) có dấu hiệu vi phạm theo từng nhóm nêu trên từ đó thực hiện bước lựa chọn đối tượng để đề xuất kiểm tra theo Điều 5 định số 1410/QĐ-TCHQ [3].

** Trường hợp kiểm tra trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.*

Thực hiện tương tự quy định tại khoản 2.2 định số 1410/QĐ-TCHQ [3].

** Trường hợp kiểm tra theo kế hoạch để đánh giá tuân thủ pháp luật*

Xây dựng kế hoạch kiểm tra sau thông quan: Danh sách đối tượng kiểm tra sau thông quan đánh giá tuân thủ pháp luật được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt hàng năm trên cơ sở đề xuất của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan đảm bảo nguyên tắc theo khoản 2, Điều 11, Thông tư số 38/2015/TT-BTC; Cơ sở đề xuất kế hoạch kiểm tra sau thông quan: Từ các nguồn thông tin quy định tại Điều 3 Quy trình này; Thông tin người khai hải quan tiềm năng do Hệ thống thông tin quản lý rủi ro đưa ra; Theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục Hải quan về việc kiểm tra sau thông quan trọng tâm, trọng điểm và định hướng trong từng thời kỳ; Trên cơ sở các nguồn thông tin, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục và tình hình thực tế, đặc thù, quy mô, nguồn lực của từng Hải quan địa phương và Cục Kiểm tra sau thông quan theo từng thời kỳ, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan danh sách người khai hải quan dự kiến kiểm tra sau thông quan theo kế hoạch của từng Cục Hải quan và Cục Kiểm tra sau thông quan. Thời gian trình chậm nhất trước ngày 30 tháng 11 hàng năm. Chậm nhất đến ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hoàn thành phê duyệt danh sách người khai hải quan kiểm tra theo kế hoạch giao cho từng đơn vị. Cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện cập nhật Danh sách đối tượng

kiểm tra sau thông quan theo kế hoạch đã được Tổng cục trưởng duyệt vào Hệ thống STQ [2].

1.2. Cơ sở lý thuyết về nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng [9],[13]

1.2.1. Cơ sở lý thuyết về việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp nhập khẩu hàng tiêu dùng

Để xây dựng công tác kiểm tra sau thông quan hiệu quả đối với hàng nhập khẩu cần phải đứng trên quan điểm của doanh nghiệp. Song, nhu cầu, mong muốn và thị hiếu của doanh nghiệp luôn luôn thay đổi, vì vậy cần phải tìm hiểu và quan tâm tới các yếu tố sau:

- Loại mặt hàng nào đang được yêu thích thời điểm hiện nay
- Loại hình doanh nghiệp làm thủ tục nhập khẩu (doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn, cổ phần, liên doanh,...)
- Năng lực của doanh nghiệp (vốn cá nhân, vốn vay ngân hàng,...)
- Lịch sử về các cuộc kiểm tra liên quan đến thuế.
- Tần suất nhập khẩu hàng hóa.
- Kim ngạch theo năm.

Đánh giá các yếu tố đặc biệt khác của doanh nghiệp để đảm bảo khi đưa doanh nghiệp vào danh sách kiểm tra thì đảm bảo sẽ có nguồn thu hoặc nâng cao được tính tuân thủ của doanh nghiệp. Không nhất thiết phải đưa tất cả các doanh nghiệp vào kế hoạch kiểm tra tránh trường hợp kiểm tra tràn lan và không hiệu quả.

Việc xác định đối tượng kiểm tra giúp công chức kiểm tra dự đoán được số thu thuế cũng như xác định được lượng tờ khai, mặt hàng phải kiểm tra từ đó có kế hoạch cụ thể cho mỗi cuộc các kiểm tra sau thông quan sao cho phù hợp với đối tượng doanh nghiệp tiêu dùng nhập khẩu, và giúp xác định nguồn nhân lực cho cuộc kiểm tra cũng như thời gian cho cuộc kiểm tra một cách hiệu quả .

1.2.2 Cơ sở lý thuyết về việc xây dựng chế tài xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu [9],[13],[28]

Công việc này sẽ giúp hạn chế tối đa việc sai phạm gian lận của doanh nghiệp, tối đa hóa nguồn thu thuế cho hải quan; sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng (tivi, internet, báo, đài...) để mang thông tin đến cho doanh nghiệp nhanh nhất và cập nhật đầy đủ nhất các quy định mới cũng như các văn bản hết hiệu lực đảm bảo việc kiểm tra sau thông quan thực hiện đúng người đúng tội tránh nhầm lẫn sót lọt gây bức xúc trong cộng đồng doanh nghiệp ảnh hưởng đến uy tín của Cục Hải quan Tp Hải Phòng. Tùy vào từng đối tượng doanh nghiệp nhập khẩu sẽ có cách truyền truyền về chế tài xử phạt trong nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan nhưng nhìn chung, chủ yếu là các chế tài xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả sau mỗi cuộc kiểm tra sau thông quan. Hiện tại chưa có chế độ khen thưởng với các doanh nghiệp chủ động tìm ra sai phạm và nộp bổ sung thuế trước khi cơ quan hải quan vào kiểm tra. Công việc này cần được thực hiện rộng rãi, thường xuyên liên tục ở khắp các Chi cục phòng ban thuộc/trực thuộc Cục Hải quan Hải Phòng, dưới nhiều hình thức niêm yết, đăng website để các doanh nghiệp nắm được khi thực hiện thủ tục nhập khẩu tại Cục Hải quan Tp Hải Phòng.

Hiện tại Hải quan Hải Phòng đang triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan trong thực hiện các Kế hoạch đấu tranh phòng, chống rửa tiền; hàng điện tử giả nhập khẩu; hàng hóa nhập khẩu có hại cho sức khỏe con người; nhập khẩu mặt hàng thời trang có dấu hiệu gian lận thương mại; gia cầm, sản phẩm gia cầm, đường nhập lậu; kiểm tra, kiểm soát mặt hàng sữa,...

- Triển khai Kế hoạch 170/KH-TCHQ ngày 19/08/2014 và Kế hoạch 72/HQHP-KH ngày 04/11/2014 về việc kiểm soát thực hiện hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS nhằm phát hiện, đấu tranh, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tiền chất;

- Tăng cường kiểm soát mặt hàng cấm thuộc danh mục Cites, hàng , mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, đồ điện tử, điện lạnh, điện gia dụng. thuốc lá; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và chất cấm dùng trong chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi; xe máy điện, xe đạp điện, mũ bảo hiểm và phụ tùng; dược liệu; thuốc, thực phẩm chức năng và sản phẩm y tế giả tại Việt Nam; khoáng sản; hàng bách hóa; các hoạt động xuất, nhập khẩu tiền chất;

1.2.3 Cơ sở lý thuyết về việc hoàn thiện quy chế khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu [9],[13]

Quy chế được ban hành là cần thiết và kịp thời, giúp cho việc nâng cao kỷ cương, kỷ luật và phòng, chống tiêu cực trong toàn ngành Hải quan. Cán bộ công chức Hải quan sẽ phải có nhận thức sâu sắc hơn về việc tuân thủ và tính chuyên nghiệp trong công tác thực thi công vụ; quy định trách nhiệm của công chức hải quan khi thực hiện nghiệp vụ hải quan và xử lý công chức hải quan có hành vi vi phạm nghiệp vụ hải quan, những nhiều, tham nhũng.

Quy chế định danh các hành vi vi phạm của cán bộ Hải quan. Mục tiêu của quy chế này nhằm chống phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực, tham nhũng; đề cao được tinh thần và ý thức trách nhiệm của CBCC hải quan khi thi hành công vụ, minh bạch trong xử lý vi phạm của CBCC. Trên cơ sở tổng kết và kế thừa các văn bản hiện hành, quy chế đã khắc phục được những hạn chế nhất định của các quy định đã ban hành.

Quy chế cũng quy định rõ được từng hành vi vi phạm và hình thức xử lý với CBCC. Cụ thể như việc xử lý, kỷ luật đối với vi phạm về kỷ cương, kỷ luật, quy tắc ứng xử; xử lý, kỷ luật đối với vi phạm trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; xử lý, kỷ luật đối với vi phạm trong công tác Phòng chống tham nhũng... Tương ứng với các hành vi vi phạm được liệt kê là các chế tài xử lý từ nhắc nhở, phê bình cho đến việc kỷ luật và cho thôi việc.

1.3. Tiểu kết chương 1 và nhiệm vụ chương 2

Chương 1 đã giải quyết vấn đề Cơ sở lý luận chung về kiểm tra sau thông quan nói chung và cơ sở lý thuyết liên quan đến các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu. Đồng thời chương 1 cũng nêu rõ cơ sở lý thuyết của các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan Hải Phòng. Qua đây có thể khẳng định rằng, Kiểm tra sau thông quan là phương pháp quản lý hiện đại của bộ máy quản lý Nhà nước về Hải quan dựa trên nguyên tắc quản lý rủi ro, được tiến hành trên cơ sở phân tích thông tin, đánh giá rủi ro đối với những hoạt động nhập khẩu, nhập khẩu đã hoàn thành thủ tục thông quan hàng hóa. KTSTQ là một trong những biện pháp đấu tranh chống gian lận thương mại có hiệu quả nhất. vì vậy hiện nay Hải quan nhiều nước, khu vực thuộc tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã áp dụng các biện pháp KTSTQ. Nâng cao hiệu quả KTSTQ phải được xây dựng dựa trên yêu cầu nhiệm vụ thu thuế của nhà nước, đặc điểm kiểm tra sau thông quan, các quy định về xử phạt đối với doanh nghiệp và quy chế tăng cường kỷ cương công vụ đối với cán bộ công chức hải quan. Đây chính là cơ sở để hình thành nên các giải pháp thực tế để tạo ra kiểm tra sau thông quan hiệu quả tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng. Để làm rõ các luận điểm trên, chương 2 của đề tài sẽ tập trung phân tích thực trạng của công tác kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng và đặc biệt đi sâu phân tích các vấn đề KTSTQ đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu để từ đó có căn cứ đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả KTSTQ đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu.

CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN VÀ KIỂM TRA SAU THÔNG HÀNG TIÊU DÙNG NHẬP KHẨU HẢI QUAN HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu chung về Hải quan Hải Phòng trong 2013-2018

2.1.1. Lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức và chức năng của Cục Hải quan Hải Phòng

Tên gọi: Cục Hải quan Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 159 đường Lê Hồng Phong, P. Hải An, Thành phố Hải
Phòng.



Trụ sở văn phòng Cục Hải quan Hải Phòng (nguồn: Internet)

Ngày 10 tháng 9 năm 1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp thừa uỷ nhiệm của Chủ tịch Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà ký sắc lệnh số 27/SL thành lập Sở thuế quan và thuế gián thu, khai sinh ra ngành Hải quan Việt Nam.

Ngày 14 tháng 4 năm 1955, Bộ Công thương ban hành Nghị định số 87/BTC-NĐ-KB của Bộ công thương về việc thành lập Sở Hải quan Hải Phòng. Bao gồm các đơn vị trực thuộc: Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Hành chính quản trị; Phòng Giám quản hàng hoá xuất nhập khẩu và công cụ vận tải

xuất nhập cảnh; Phòng kiểm hoá và thuế – Giá biểu; Phòng kiểm nghiệm hàng hoá (Nghị định số 1045/TTg ngày 13 tháng 9 năm 1956 của Chính phủ ấn định việc kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng hoá xuất nhập khẩu do Hải quan phụ trách); Phòng kiểm soát và xử lý; Phòng thuyền vụ làm nhiệm vụ bảo quản, điều động phương tiện thuỷ các loại để phục vụ công tác kiểm soát, sửa chữa, đóng mới tàu thuyền; Đội kiểm soát, giám sát vùng duyên hải; Đội thương cảng; Phòng Hải quan Hòn Gai; Phòng Hải quan Cửa Ông; Phòng Hải quan Diêm Điền; Phòng Hải quan Đồ Sơn; Phòng Hải quan Cát Bà; Phòng quản lý xuất nhập khẩu.

Tháng 4/1958, Bộ Thương nghiệp chia tách thành 2 bộ là Bộ Nội thương và Bộ Ngoại thương, ngành Hải quan trực thuộc Bộ Ngoại thương. Hải quan Hải Phòng được đổi tên là Phân sở Hải quan Hải Phòng và trực thuộc Sở Hải quan trung ương.

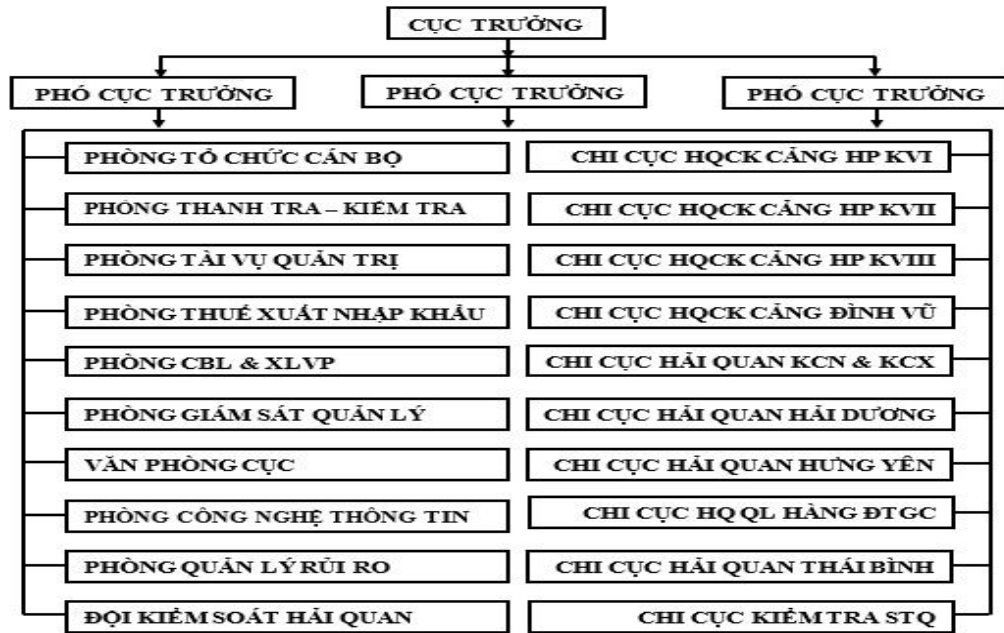
Ngày 17 tháng 6 năm 1962, Bộ Ngoại thương có Quyết định số 490/BNT-QĐ-TCCB đổi tên Sở Hải quan Trung ương thành Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương và đổi tên Phân sở Hải quan Hải Phòng thành Phân cục Hải quan Hải Phòng. Đầu thập niên 80 về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ của Phân cục Hải quan Hải Phòng có nhiều biến động bao gồm: Phòng Tổ chức – Cán bộ; Phòng hành chính - quản trị; Phòng giám quản hàng mậu dịch; Phòng kiểm soát và xử lý tố tụng; Phòng tổng hợp – pháp chế; Hải quan bưu điện; Hải quan cảng chính; Trạm Hải quan cảng Chùa Vẽ.

Ngày 20 tháng 11 năm 1984, sau khi được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn việc thành lập Tổng cục Hải quan – Cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (thay Cục Hải quan Trung ương trực thuộc Bộ Ngoại thương). Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị định 139/HĐBT quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy Tổng cục Hải quan. Từ đó Phân cục Hải quan Hải phòng được đổi tên gọi thành Hải quan TP Hải phòng gồm: Phòng Tổ chức – cán bộ; Phòng hành chính - quản trị; Phòng giám quản; Phòng kiểm soát và

xử lý tố tụng; Phòng tổng hợp – pháp chế; Hải quan Bưu điện; Hải quan cảng Hải phòng; Hải quan Trạm trả hàng phi mậu dịch Vạn Mỹ.

Theo Quyết định số 91/TCHQ-TCCB ngày 01 tháng 06 năm 1994 của Tổng cục Hải quan, Hải quan thành phố Hải phòng được đổi tên thành Cục Hải quan TP Hải phòng và thủ trưởng cơ quan được gọi là Cục trưởng cục Hải quan tỉnh, thành phố. Bộ máy tổ chức Cục Hải quan TP Hải phòng gồm 13 phòng, ban và đơn vị tương đương: Văn phòng; Phòng tổ chức cán bộ & đào tạo; Thanh tra; Phòng tài vụ - Quản trị; Hải quan Vạn Mỹ; Hải quan quản lý các KCX, KCN Hải phòng; Hải quan Diêm Điền (Thái Bình); Hải quan Hưng Yên; Hải quan Hải Dương; Phòng giám quản I; Phòng Giám quản II; Phòng kiểm tra thu thuế XNK; Hải quan Bưu điện Hải Phòng.

Sau khi Luật hải quan ra đời và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, bộ máy tổ chức của Tổng cục Hải quan và các Cục Hải quan địa phương cũng được sắp xếp xây dựng theo quy định của Luật Hải quan và phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và quy trình nghiệp vụ Hải quan. Cục Hải quan TP Hải phòng các phòng, ban tham mưu và tương đương, các Chi cục Hải quan cửa khẩu và Chi cục hải quan ngoài cửa khẩu. Các đơn vị trực thuộc gồm 17 phòng ban và Chi cục (8 chi cục, 1 đội kiểm soát, 8 phòng ban và tương đương). Gồm: Văn phòng; Phòng tổ chức cán bộ và đào tạo; Phòng Thanh Tra; Phòng Nghiệp vụ; Phòng trị giá tính thuế; Phòng Kiểm tra sau thông quan; Phòng tham mưu chống buôn lậu và xử lý; Đội kiểm soát Hải quan; Trung tâm dữ liệu và Công nghệ thông tin; Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực I; Chi cục hải quan cảng Hải Phòng khu vực II; Chi cục Hải quan Cảng Hải Phòng khu vực III; Chi cục Hải quan quản lý hàng đầu tư gia công; Chi cục Hải quan KCX, KCN Hải Phòng; Chi cục Hải quan Thái Bình; Chi cục Hải quan Hải Dương; Chi cục Hải quan Hưng Yên.



(Nguồn: Văn phòng Cục Hải quan Hải Phòng)

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Hải quan Hải Phòng

Đến nay Cục Hải quan Hải Phòng gồm 20 đơn vị trực thuộc bao gồm: 09 Chi cục Hải quan cửa khẩu và ngoài cửa khẩu, 08 phòng ban tham mưu, 03 đơn vị tương đương (Trung tâm DL&CNTT là đơn vị tương đương cấp phòng; Đội KSHQ là đơn vị tương đương cấp Chi cục và Chi cục kiểm tra sau thông quan là Chi cục thực hiện chức năng riêng biệt) để phù hợp với tình hình mới. Với chức năng, nhiệm vụ: quản lý nhà nước về lĩnh vực Hải quan trên địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hải Dương và Thái Bình. Trải qua hơn nửa thế kỷ trưởng thành và phát triển, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng trở thành một đơn vị điển hình của Hải quan Việt Nam với rất nhiều thành tích xuất sắc. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Hải quan Hải Phòng đã phát huy nội lực, sáng tạo, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước về Hải quan; Liên tục là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua toàn ngành Hải quan. Cục Hải quan Hải Phòng luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đạt được những danh hiệu như: Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (năm 2006); Huân chương lao động hạng Nhất, hạng Nhì; Huân chương độc lập hạng Nhì; Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan; UBND TP Hải

Phòng và 3 tỉnh Thái Bình, Hưng yên, Hải Dương tặng nhiều cờ thi đua và bằng khen. Hàng trăm lượt cá nhân, tập thể được nhận Bằng khen của Chính phủ, Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Thành phố Hải Phòng, các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên. Cục Hải quan Hải phòng phân đấu đến năm 2015 được tặng thưởng Huân chương độc lập hạng nhất.

2.1.2. Hoạt động của Hải quan Hải Phòng

Năm năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu khởi sắc với sự phục hồi và tăng trưởng ổn định của các nền kinh tế lớn, hoạt động thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng cải thiện rõ rệt là yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước, nổi bật về cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, thu hút khách quốc tế và đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, việc gia tăng bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng với những điều chỉnh chính sách của Mỹ và một số nước lớn đã tác động đáng kể tới hoạt động nhập khẩu của Việt Nam, nổi lên là sự sụt giảm của ngành khai khoáng; giá nông sản, thực phẩm giảm mạnh tác động tiêu cực đến chăn nuôi, thiên tai, bão, lũ gây thiệt hại nặng nề tại nhiều địa phương. Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến công tác quản lý Nhà nước về hải quan như Luật Quản lý ngoại thương; Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước, Luật quản lý sử dụng tài sản công...

Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành và địa phương tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; ban hành kịp thời các Nghị quyết, Chỉ thị nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng các ngành, lĩnh vực.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan và Thành ủy, UBND thành phố Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương,

Thái Bình, toàn thể cán bộ công chức viên chức và người lao động Cục đã giữ vững đoàn kết nội bộ, tập trung nguồn lực triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đã đề ra và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trên các lĩnh vực công tác.

Trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hiện đại hóa hải quan, đơn giản hoá thủ tục hải quan tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động XNK. Bám sát mục tiêu của “Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020”, và “Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa ngành Hải quan giai đoạn 2016-2020”, Cục Hải quan TP Hải Phòng đã triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại một cách quyết liệt ở tất cả các khâu từ xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật; giải quyết thủ tục hành chính; đến ứng dụng CNTT... trong công tác giám sát quản lý, xây dựng đội ngũ CBCCC hiện đại, chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát hải quan theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp. Đặc biệt tập trung triển khai Đề án “Giám sát, kiểm soát hàng hóa nhập khẩu, nhập khẩu qua khu vực kho, bãi, cảng Hải Phòng trên Hệ thống thông quan điện tử”, Đề án “Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu” nhằm cải cách thủ tục ngay trong nội bộ Cục theo hướng tin học hóa, đơn giản hóa, hợp lý hóa các công đoạn nghiệp vụ góp phần giảm bớt áp lực, tạo điều kiện thuận lợi cho công chức thực thi nhiệm vụ và rút ngắn thời gian thông quan [11],[12],[13].

Năm 2017, theo Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ Tài chính chỉ tiêu thu nộp NSNN của Cục Hải quan TP Hải Phòng được giao là 59.000 tỷ đồng, tăng 21,4% so với chỉ tiêu giao năm 2016 và tăng 23,5% so với số thực hiện thu năm 2016, tức là bình quân phải thu 4.916 tỷ/tháng. Ngày 30/6/2017, Tổng cục Hải quan có công văn số 4413/TCHQ-TXNK giao bổ sung chỉ tiêu thu NSNN năm 2017 tối thiểu phải đạt của Cục Hải quan TP Hải Phòng là 52.000 tỷ đồng [12],[13].

Trong bối cảnh các Hiệp định thương mại tự do (FTA) bước vào giai đoạn cắt giảm sâu thuế nhập khẩu, đặc biệt đối với các mặt hàng có kim ngạch lớn, thuế suất cao, số thu chiếm tỷ trọng lớn đã có tác động trực tiếp không thuận lợi đến công tác thu NSNN, đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề, do đó Cục Hải quan TP Hải Phòng ngay từ những ngày đầu năm đã chỉ đạo đơn vị chủ động tổ chức triển khai quyết liệt và đồng bộ hệ thống các giải pháp, biện pháp để thực hiện nhiệm vụ thu nộp NSNN ở mức cao nhất.



Triển khai thực hiện Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 về việc Ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục tại cửa khẩu nhập và Quyết định số 38/2017/QĐ-Ttg ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định việc chuyên cửa khẩu đối với hàng nhập khẩu về làm thủ tục hải quan tại cảng cạn ICD Mỹ Đình, thành phố Hà Nội [13].

-Ban hành Danh mục chi tiết tên hàng, mã HS trên cơ sở Danh mục hàng hoá nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập kèm theo Quyết định 15/2017/QĐ-TTg; Ban hành công văn số 12615/HQHP-GSQL ngày 04/10/2017 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 38/2017/QĐ-TTg [16];

Báo cáo Tổng cục Hải quan các vướng mắc về những chứng từ người khai hải quan phải xuất trình cho cơ quan hải quan để chứng minh hàng hóa thuộc đối tượng được vận chuyển độc lập về các địa điểm thông quan nội địa (ICD); mã địa điểm cơ sở sản xuất doanh nghiệp và đề xuất thực hiện các vướng mắc nêu trên;

Thực hiện Thông tư số 07/2017/TT-BKHCN ngày 16/6/2017 của Bộ Khoa học công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và công nghệ.

- Ban hành công văn số 12807/HQHP-GSQL ngày 09/10/2017 và công văn số 13188/HQHP-GSQL ngày 16/10/2017 hướng dẫn thực hiện thông quan đối với hàng hóa kiểm tra chất lượng thuộc trách nhiệm quản lý Bộ Khoa học và công nghệ theo đúng Luật Hải quan, Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa trong khi chờ hướng dẫn của Tổng cục hải quan.

Triển khai thực hiện Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ về việc quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan và Thông tư số 84/2014/TT-BTC ngày 08/9/2017.

Ban hành công văn số 11363/HHQP-GSQL ngày 08/9/2017 hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư 11/2017/TT-BCT ngày 28/7/2017 qui định về hoạt động tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu hàng hóa.

Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu đưa từ cảng về địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa nhập khẩu, nhập khẩu tập trung.

Thực hiện rà soát bến cảng thuộc thành phố Hải phòng kể cả những bến cảng đã được công bố thuộc hệ thống cảng biển VN nhưng nhiều năm không có phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, không có hoạt động XNK, không đủ điều kiện giám sát quản lý của cơ quan hải quan; Báo cáo TCHHQ về vướng mắc địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng thủy nội địa và các bến cảng nhiều năm không có hoạt động xuất nhập khẩu; Tiến hành kiểm tra thực tế Khu vực trung chuyển tại bến cảng Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cảng Đình Vũ, Kho xăng dầu Cát Bi của Công ty cổ phần nhiên liệu bay Petrolimex, Địa điểm đề nghị công nhận kho ngoại quan, kho CFS của Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept CN Miền Bắc [11],[12],[13].

2.2 Thực trạng tình hình kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

2.2.1. Công tác kê khai xuất nhập khẩu [11],[12],[13]

Tính đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2018, tổng số doanh nghiệp tham gia thủ tục hải quan tại Hải quan Hải Phòng là 19.390 Doanh nghiệp. Tổng số tờ khai XNK đã làm thủ tục: 1.201.488 tờ khai. Trong đó gồm có: Tờ khai luồng xanh là 586.550 tờ khai chiếm 48,82 % tổng số tờ khai; Tờ khai luồng vàng là 546.247 tờ khai chiếm 45.46% tổng số tờ khai; Tờ khai luồng đỏ là 69.691 tờ khai chiếm 5.72% tổng số tờ khai.

Công tác kiểm tra thông quan đối với phương tiện vận tải và hành khách xuất nhập cảnh qua Hải quan Hải phòng trong thời gian qua cũng có nhiều biến động được thể hiện tại bảng 2.1.

Bảng 2.1: Thống kê số lượng phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cảng biển Hải Phòng

Loại	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 16/15 (%)		So sánh 17/16 (%)	
		Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
Phương tiện	Lượt	3802	3349	4560	4021	4530	4028	19.9	20.1	-0.65	17.4
Thuyền viên	Người	72699	63849	87330	76700	88849	80427	20.1	20.1	14.4	48.6

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Số lượng hành khách xuất nhập cảnh qua cảng biển không đáng kể mà chủ yếu qua cảng hàng không quốc tế Cát Bi.

Bảng 2.2: Thống kê số lượng hành khách xuất nhập cảnh qua cảng hàng không quốc tế Cát Bi năm 2017

Loại	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 16/15 (%)		So sánh 17/16 (%)	
		Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh	Nhập cảnh	Xuất cảnh
Lượt tàu bay	Lượt	266	264	374	372	527	529	40,60	40,91	40,91	42,20
Khách Việt Nam	Người	15.678	15.987	18.298	19.788	25.343	29.286	16,71	23,78	38,50	48,00
Khách quốc tế	Người	21.987	20.245	27.117	26.778	38.045	37.546	23,33	32,27	40,30	40,21
Tổng hành khách	Người	37.665	36.232	45.415	46.566	63.388	66.832	20,58	28,52	39,58	43,52

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Ngoài ra, để thực hiện các công việc và thủ tục kiểm tra sau thông quan, cục Hải quan Hải Phòng còn phải thực hiện các công việc liên quan đến công tác khác như: Thông báo văn bản mới, trả lời, hướng dẫn các Chi cục: 1.102 vụ; Trả lời, hướng dẫn doanh nghiệp: 164 vụ; Quyết định công nhận địa điểm kiểm tra tại nơi sản xuất, chân công trình của Doanh nghiệp: 208 quyết định; Báo cáo Tổng cục Hải quan: 371 vụ [11],[12],[13].

2.2.2. Công tác quản lý thuế [11],[12],[13]

Thực hiện công văn số 2464/HQHP-TXNK ngày 09/3/2017 về các giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu NSNN; Theo dõi, phân tích kết quả thu, các yếu tố ảnh hưởng, tổ chức rà soát, đánh giá toàn bộ các nguồn thu sát khả năng thực tế. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn các lĩnh vực nghiệp vụ như: Khảo sát đánh giá công tác quản lý hàng gia công, sản xuất xuất khẩu, tập huấn công tác kế toán theo Thông tư 174/2015/TT-BTC... để thực hiện thống nhất trong toàn Cục. Tổ chức kiểm tra nội bộ các đơn vị thuộc Cục trong lĩnh vực trị giá, mã số, quản lý nợ, thuế xuất nhập khẩu; Tập trung xử lý thu hồi thuế nợ đọng, theo dõi, đánh giá, phân tích tổng hợp tình hình nợ thuế của

toàn Cục, nghiên cứu chế độ chính sách có liên quan để tham mưu trình Lãnh đạo Cục chỉ đạo giải quyết đối với từng loại nợ cụ thể. Đẩy mạnh công tác chống thất thu qua giá, mã; thường xuyên rà soát, xây dựng, bổ sung điều chỉnh Danh mục Quản lý rủi ro về giá đối với hàng hóa XK,...

2.2.3. Kết quả thu ngân sách nhà nước

Bảng 2.3: Thực trạng kết quả thu ngân sách năm 2017

DVT: triệu đồng

	Năm 2016 (31/10/2017)	Kế hoạch BTC giao 2017	Năm 2017 (31/10/2017)	So sánh cùng kỳ năm 2016 (±%)	So với kế hoạch Bộ Tài chính giao (%)
Tổng số thu	36.927.188	58.998.016	43.759.033	+18,05	74,17
Thuế GTGT	27.061.709	38.093.460	28.874.843	+6,7	75,8
Thuế XK	156.532	222.001	171.496	+9,56	77,25
Thuế NK	4.246.247	15.382.540	9.017.245	+123,85	58,62
Thuế TTĐB	5.111.684	5.170.016	5.391.293	+5,47	104,28
Thu khác	351.017	129.998	304.156	-13,35	233,97

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2015, 2016, 2017 Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Bộ Tài chính giao nhiệm vụ thu NSNN theo Quyết định số 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 cho Cục HQTP Hải Phòng phải thu 59.000 tỷ, tăng 23,5% so với số thực hiện thu năm 2016, tức là bình quân phải thu 4.916 tỷ/tháng . Tính đến 31/10/2017: toàn Cục thu 43.759 tỷ đồng, đạt 74,17% so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao (59.000 tỷ), đạt 84,15% so với chỉ tiêu tối thiểu TCHQ giao (52.000 tỷ), tăng 13,58% so với cùng kỳ năm 2016 (38.527 tỷ đồng). Khu vực Hải Phòng thu 37.096 tỷ đồng, đạt 71,9% so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao (51.600 tỷ), đạt 82,1% chỉ tiêu tối thiểu (45.188 tỷ), tăng 15,37% so với cùng kỳ năm 2016 (32.154 tỷ). Dự kiến hết 31/12/2017: Cục Hải quan TP Hải Phòng quyết tâm thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ thuế

chống thất thu NSNN, tối thiểu đạt chỉ tiêu TCHQ giao là 52.000 tỷ đồng [11],[12],[13].

Nguyên nhân chính làm cho số thu tăng nhiều so với cùng kỳ năm 2016 do năm 2017 có thuế từ ô tô nguyên chiếc vận chuyển trên tàu RoRo trong khi 9 tháng đầu năm 2016 không có, nhưng vẫn chưa đạt so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao phải thu; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn Cục tăng nhưng xét theo các loại hình có thuế thì kim ngạch xuất khẩu có thuế và nhập khẩu có thuế vẫn tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2016. Cụ thể: Kim ngạch XNK toàn Cục đến 31/10/2017 khoảng 46.418 triệu USD, tăng 13,2% so với cùng kỳ năm 2016, nhưng kim ngạch xuất khẩu có thuế đạt 132 triệu USD, giảm 48,4%, kim ngạch nhập khẩu có thuế đạt 13.234 triệu USD, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2016; Việt Nam thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), các mặt hàng có thuế sẽ ngày càng giảm, nhiều dòng hàng phải cắt giảm thuế suất về 0% vào các thời điểm khác nhau tùy từng FTA dẫn đến nguồn thu từ thuế XNK giảm theo; Cảng Hải Phòng là nơi có lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn nhất miền bắc nhưng không phải toàn bộ hàng đều làm thủ tục tại Hải quan Hải Phòng mà vận chuyển độc lập, kết hợp về nơi khác làm thủ tục (như Cục Hải quan Hà Nội, Hồ Chí Minh...) nên Cục Hải quan Hải Phòng không thu thuế được của các mặt hàng chuyển đi, do đó ảnh hưởng đến số thu thuế của đơn vị; Một số DN tránh nộp phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng..., chủ yếu là hàng rời, hàng lỏng chuyển về các cảng khác thuộc Cục HQ Quảng Ninh, Vũng Tàu, Hồ Chí Minh... (VD: Công ty xăng dầu Hải Linh) làm thủ tục [11],[12],[13].

** Tình hình nợ đọng thuế:*

Tổng số nợ của toàn Cục Hải quan TP. Hải Phòng tính đến ngày 31/10/2017 là 1.327 tỷ đồng, giảm 219 tỷ đồng (-14,19%) so với số nợ tại thời điểm 31/10/2016 và giảm 351 tỷ đồng (-20,94%) so với số nợ tại thời điểm 31/12/2016 [12].

Bảng 2.4: Thực trạng về tình hình nợ đọng ngân sách năm 2017

Loại nợ	Số nợ tại thời điểm 31/10/2017	Số nợ tại thời điểm 31/10/2016	Tăng/giảm	Tỷ lệ %	Số nợ tại thời điểm 31/12/2016	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
Nợ chuyên thu	1.132	1.283	-152	-11,84	1.436	-305	-21,21
Quá hạn	183	314	- 131	-41,77	460	-277	-60,18
Cưỡng chế	948	969	-21	-2,12	976	-28	-2,86
Nợ tạm thu	196	263	-67	-25,66	242	-47	-19,31
Quá hạn	16	52	-35	-68,22	31	-15	-47,02
Cưỡng chế	179	212	-32	-15,30	211	-32	-15,26
Tổng	1.327	1.547	-219	-14,19	1.679	-351	-20,94

(Nguồn: Phòng Thuế Xuất Nhập khẩu- Cục Hải quan TP Hải Phòng)

** Số liệu thu hồi và xử lý nợ theo chỉ tiêu giao:*

Số nợ thuế chuyên thu quá hạn được giao theo chỉ tiêu tại Quyết định 1084/QĐ-TCHQ ngày 31/3/2017 của Tổng cục Hải quan là: 125,81 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/10/2017, số nợ chuyên thu quá hạn đã thu hồi/xử lý nợ theo chỉ tiêu giao là 98,34 tỷ đồng đạt 78% so với chỉ tiêu giao [14].

** Các giải pháp cụ thể để thu nợ đọng:*

- Các Chi cục thường xuyên rà soát số nợ phát sinh tại đơn vị, đánh giá tình trạng của từng doanh nghiệp để đưa ra biện pháp xử lý nợ;

- Thực hiện tốt các biện pháp đôn đốc nợ và các biện pháp cưỡng chế được quy định tại Nghị định 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính Phủ; Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính Phủ; Thông tư 155/2016/TT-BTC ngày 20/10/2016 của Bộ Tài chính.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan có chức năng có liên quan (Ủy ban nhân dân, cơ quan công an,...) để thu đòi nợ.

- Tăng cường phối hợp với cơ quan Hải quan cửa khẩu xuất để xác minh các lô hàng chưa có xác minh thực xuất, đặc biệt các tờ khai đã có hồi báo yêu cầu Hải quan cửa khẩu xuất xác minh làm rõ tình trạng lô hàng.

** Tôn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong công tác quản lý thuế [11],[12],[13]:*

- Lĩnh vực chính sách: Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được ban hành nhưng còn nhiều vướng mắc, bất cập trong quy định về đối tượng miễn thuế, hoàn thuế.

- Lĩnh vực kế toán: Hệ thống kế toán tập trung vẫn chưa đáp ứng được các quy định mới của văn bản pháp quy, cụ thể: đến nay vẫn chưa lập được Bảng cân đối kế toán và các báo cáo kế toán theo quy định tại thông tư 174/2015/TT-BTC, hệ thống KTT chưa tính đúng tiền chậm nộp thuế của các quyết định ấn định, công chức hải quan vẫn phải thực hiện rà soát lại và thực hiện tính thủ công nhiều trường hợp.

- Cục đã có nhiều báo cáo vướng mắc nhưng Tổng cục Hải quan còn chậm hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa rõ như: Thông tin kiểm tra trị giá đã được ghi nhận trước đó không được tự động cập nhật khi tờ khai nhảy số, Cục đã có công văn số 111/HQHP-TXNK ngày 11/09/2017 báo cáo Tổng cục Hải quan nhưng trả lời chưa triệt để. Vướng mắc khi cập nhật thông tin trên hệ thống GTT02 đối với trường hợp sau tham vấn doanh nghiệp khai báo bổ sung, Cục đã có công văn số 5404/HQHP-TXNK ngày 30/06/2016 báo cáo Tổng cục Hải quan và được trả lời tại công văn số 118/VP-TH ngày 07/09/2017 nhưng nội dung chưa rõ. Vướng mắc trong việc xử lý thuế của Công ty CP Container CAS Việt Nam kéo dài từ năm 2015 đến nay vẫn chưa được hướng dẫn cụ thể.

TCHQ yêu cầu nhiều loại báo cáo với nhiều tiêu chí làm thủ công gây mất thời gian và tốn nhân lực. Ví dụ: các loại báo cáo nợ theo công văn 6853/TCHQ-TXNK ngày 20/10/2017, công văn 3878/TXNK-DTQLT ngày 11/10/2017, 804/TCHQ-TXNK ngày 14/02/2017.

** Công tác xử lý vi phạm giải quyết khiếu nại, bán hàng tịch thu và tiêu hủy hàng hóa:*

Kết quả xử lý vi phạm pháp luật hải quan bằng hình thức hành chính: Phạt tiền 5.501 vụ; số tiền 40.722.978.003 đồng (trong đó, riêng Chi cục Kiểm tra sau thông quan xử phạt hơn 19,5 tỷ đồng). Đến hết 31/12/2017: Số vụ phạt tiền 6.398 vụ; số tiền phạt 47.510.141.003 đồng; Trị giá tang vật bị tịch thu bán đấu giá 12.102.000.000 đồng, đến hết 31/12/2017 là 13.140.500.000 đồng; Tổng số nộp Ngân sách 52.824.978.003 đồng, đến hết 31/12/2017 là 60.650.640.003 đồng [11],[12],[13].

Bảng 2.5: Tình hình xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại

ĐVT: Vụ

Kết quả	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	So sánh	
				16/15	17/16
Buôn lậu và vận chuyển trái phép	6	8	11	33,33	37,5
Ma túy	4	4	4	0	0
Vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng giả	1	0	2	100	-100
Vi phạm hành chính	5798	5762	5501	-0,62	-4,53
Vi phạm khác	0	0	0	0,00	0
Tổng số	5809	5774	5518	-0,60	-4,43

(Nguồn: Phòng Tham Mưu Xử Lý - Cục Hải quan TP Hải Phòng)

Kết quả xử lý vi phạm pháp luật hải quan bằng hình thức hình sự: Hải quan ra quyết định khởi tố: 03 vụ, trị giá 2.363.210.000 đồng; Chuyển cơ quan khác đề nghị khởi tố: 02 vụ, trị giá: 1.251.000.000 đồng [13].

Tờ khai hải quan được quản lý theo mức độ rủi ro và được phân chia thành 3 luồng: xanh vàng, đỏ: (1)-Luồng xanh: Miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; mức (2)-Luồng vàng: kiểm tra chi tiết hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; Và mức (3)-luồng đỏ: Kiểm tra chi tiết hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa.

Bảng 2.6: Tình hình phân luồng tờ khai hải quan tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

ĐVT: Tờ khai

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Số tờ khai luồng xanh	527.012	49,82	585.416	48,88
Số tờ khai luồng vàng	467.665	44,21	543.495	45,38
Số tờ khai luồng đỏ	63.181	5,97	68.723	5,74
Tổng	1.057.858	100	1.197.634	100

(Nguồn: Văn Phòng Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

Nhìn vào số liệu bảng 2.6 ta thấy, số lượng tờ khai luồng xanh giảm, luồng vàng tăng và luồng đỏ có giảm. Tuy nhiên lượng tăng giảm này không đáng kể.

Bảng 2.7: Số lượng tiêu chí thiết lập trên VCIS¹ tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng

Tiêu chí	Tổng tiêu chí			Kiểm tra qua máy soi		
	Năm 2016 (tiêu chí)	Năm 2017 (tiêu chí)	So với năm 2016 (%)	Năm 2016 (tiêu chí)	Năm 2017 (Tiêu chí)	So với năm 2016 (%)
- Tổng số tiêu chí thiết lập trên hệ thống	490.278	943.787	192,5	474.176	896.192	189
- Tiêu chí rủi ro đã thanh loại	487.478	945.219	193,9	472.182	897.145	190

(Nguồn: Phòng Công Nghệ Thông tin - Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

Thực hiện quyết định về việc triển khai hệ thống VNACCS/VCIS thuộc dự án triển khai thực hiện hải quan điện tử và một cửa quốc gia nhằm hiện đại hóa hải quan đến nay hầu hết các tiêu chí KTSTQ đã được cập nhập và xử lý thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ. So với năm 2016 thì

¹ Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ

tổng số tiêu chí được thiết lập qua hệ thống cơ sở dữ liệu VCIS và được kiểm tra qua máy soi tăng lên rõ rệt, điều đó chứng tỏ việc hiện đại hóa công tác kiểm tra sau thông quan ngày càng được quan tâm áp dụng.

Bảng 2.8 Kết quả kiểm tra hàng hóa qua máy soi²

Địa điểm	Tổng số TK	Tổng số cont soi	Tổng số cont mở kiểm	Số TK vi phạm	Số cont vi phạm	Tỷ lệ vi phạm/cont soi	Tỷ lệ vi phạm/mở kiểm
MS Cố định	8825	12890	321	38	98	0.76%	30.53%
MS Di động	5392	6872	108	24	25	0.36%	23.15%
Tổng	14217	19762	429	62	123	0.62%	28.67%

(Nguồn: Phòng Quản lý Rủi Ro - Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

Công tác hiện đại hóa thông quan cũng cho thấy rằng kết quả kiểm tra qua máy soi ngày càng chính xác và được áp dụng triệt để hơn. Bảng 2.8 thể hiện kết quả kiểm soát rủi ro qua hệ thống soi chiếu tự động tính đến thời điểm nghiên cứu là cuối tháng 10/2018.

2.3. Thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng

2.3.1. Công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu [11],[12],[13],[14]

Cùng với công văn số 133/HQHP-KTSTQ ban hành ngày 23/01/2017, để triển khai công tác theo Đề án đã được Lãnh đạo Cục phê duyệt, đảm bảo kế hoạch được thực hiện thông suốt, hoàn thành hết các nội dung và lộ trình đã xây dựng. Tổ chức Hội nghị KTSTQ trong toàn Cục vào ngày 12/5/2017 nhằm đánh giá đã đạt được từ khi thực hiện Luật Hải quan 2014 đề ra định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ tại Cục Hải quan trong năm 2017 và các năm tiếp theo. Thành lập Tổ giải quyết vướng mắc cho DN của Chi cục KTSTQ theo công văn số 1123 CKTSTQ- Đ 4 ngày 11/7/2017. Tổ chức lễ công bố Quyết định công nhận chế độ DNUT đối với Công ty

² Số liệu tính trong 10 tháng đầu năm 2018

TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng (ngày 24/7/2017) và Công ty TNHH Fuji Xerox Hải Phòng (ngày 20/9/2017).

Các biện pháp nghiệp vụ đã triển khai: Tập hợp, báo cáo kịp thời các chủng loại hàng và doanh nghiệp gian lận để đưa vào quản lý rủi ro Danh mục hàng hoá và doanh nghiệp trọng điểm. Nhận xét chung về mặt hàng vi phạm, thủ đoạn, hành vi và loại hình vi phạm: Doanh nghiệp khai sai về mã số, thuế suất và trị giá hàng hoá XNK.

* *Kết quả kiểm tra sau thông quan*: KTSTQ tại trụ sở cơ quan Hải quan: 1.138 vụ = 132% Kế hoạch số vụ kiểm tra của Chi cục là 865 vụ; KTSTQ tại trụ sở Doanh nghiệp:

Ban hành 145 Quyết định đạt 91% kế hoạch Tổng cục giao (KTSTQ tại trụ sở Doanh nghiệp bao gồm cả địa bàn quản lý và ngoài địa bàn quản lý); Số thuế đã ban hành quyết định ấn định = 344,3 tỷ đồng; Số thực thu ngân sách bằng 292,1 tỷ đồng.

Bảng 2.9 Kết quả thu ngân sách trong kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu ĐVT: đồng

Lĩnh vực nghiệp vụ	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	So sánh (%)	
				2016/2015	2017/2016
Trị giá	87.981.004.373	95.019.484.723	106.421.822.890	108.00	112.00
Mã số HH	82.433.319.829	97.271.317.398	105.053.022.790	118.00	108.00
Hàng TD NK	23.901.189.957	24.618.225.655	32.988.422.378	103.00	134.00
Chính sách TM	29.343.546.023	32.864.771.546	47.653.918.742	112.00	145.00
Tổng cộng	223.659.060.182	249.773.799.323	292.117.186.800	111.68	116.95

(Nguồn: Phòng Quản lý Rủi Ro - Cục Hải quan Tp Hải Phòng)

Số liệu bảng 2.9 cũng cho thấy rằng tốc độ tăng thu ngân sách về hóa tiêu dùng nhập khẩu tăng cao, đứng thứ nhì sau tốc độ tăng thu từ chính sách thương mại.

** Những vướng mắc chung về kiểm tra sau thông quan:*

- Vướng mắc về công nghệ thông tin, các phần mềm hỗ trợ chạy chậm, không đáp ứng được yêu cầu, thời điểm khai thác và cập nhật thông tin để xử lý công việc phải tăng cường làm thêm ngoài giờ;

- Nhiều trường hợp doanh nghiệp không đến làm việc theo Quyết định KTSTQ, không hợp tác, phối hợp, không ký biên bản kiểm tra,... mất rất nhiều thời gian đôn đốc, xác minh;

- Xác định trị giá không thống nhất giữa các đơn vị hải quan trong toàn ngành nên dẫn đến xung đột với doanh nghiệp tăng cao.

- Báo cáo sửa đổi DMRR chậm được xử lý và không nhận được văn bản trả lời của Cục Thuế XNK. Công văn 905/TCHQ-TXNK rất khó thực hiện với nhiều thông tin yêu cầu phải cung cấp trong nội dung báo cáo,...

- Công tác phân loại áp mã là công tác khó khăn, phức tạp, chính sách thuế còn nhiều bất cập chông chéo. Trong cùng nhóm hàng hoặc các nhóm hàng có tên dễ lẫn có mức thuế suất khác nhau dẫn đến việc doanh nghiệp lợi dụng gian lận qua mã số làm cho việc phân loại áp mã khó kiểm soát và khó thống nhất trong toàn Cục Hải quan Hải phòng;

- Vướng mắc trong công tác phân loại đối với mặt hàng Túi trữ sữa cho trẻ em (đã báo cáo TCHQ nhưng chưa có ý kiến chỉ đạo xử lý dứt điểm);

- Vướng mắc trong công tác phân loại đối với mặt hàng xe điện 4 bánh chở người chạy trong sân gôn (xe chơi gôn và xe phục vụ sân gôn) với xe chạy trong khu vui chơi, giải trí, thể thao, khu nghỉ dưỡng...

- Vướng mắc trong quy định tại Biểu thuế nhập khẩu đối với mặt hàng Nhôm hợp kim chưa gia công về khái niệm, nhận biết, phân biệt giữa nhôm dạng thỏi và loại khác không phải dạng thỏi để làm cơ sở áp dụng mức thuế suất.

Thực hiện KTSTQ đối với DN thuộc quyết định số Quyết định số 246/QĐ-TCHQ, trên thực tế việc phê duyệt đề xuất KTSTQ của TCHQ mất

nhiều thời gian, ảnh hưởng đến kế hoạch công tác của đơn vị. Một số trường hợp không được phê duyệt và chuyển thông tin cho Cục kiểm tra sau thông quan thực hiện

2.3.2. Các vấn đề đặt ra đối với công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu

2.3.2.1. Các dấu hiệu sai phạm và gian lận trong hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng

Trong quá trình kiểm tra thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu thường gặp phải một số hiện tượng vi phạm. Trên cơ sở chi tiết các dấu hiệu sai phạm và gian lận phạm này, tác giả sẽ đưa ra giải pháp cụ thể để có thể phát hiện và triển khai công tác kiểm tra sau thông quan đối với các mặt hàng nhập tiêu dùng nhập khẩu.

** Các dấu hiệu sai phạm bao gồm:*

- Khai sai số lượng, trọng lượng hàng hóa nhập khẩu để trốn thuế, gian lận thuế.
- Khai sai số lượng trọng lượng, tạo lập hồ sơ khống, hồ sơ giả để trốn thuế.
- Doanh nghiệp thành lập mới, nhập khẩu thuê cho một số đối tượng với số lượng, kim ngạch, trị giá lớn, nhập khẩu ào ạt, liên tục trong một khoản thời gian ngắn rồi ngừng hoạt động, bỏ trốn, mất tích, không còn tại địa chỉ kinh doanh nên khi CQHQ ấn định thuế theo quyết định KTSTQ thì doanh nghiệp không nộp thuế dẫn đến nợ đọng trây ỳ.

** Các dấu hiệu gian lận: chủ yếu là gian lận về trị giá hàng hóa:*



- ✓ Khai báo giá thấp những mặt hàng tiêu dùng chịu thuế NK, TTĐB cao, những mặt hàng nhạy cảm hay biến động về giá
- ✓ Khai trị giá thấp do mối quan hệ đặc biệt giữa người bán và người mua (đại lý độc quyền sản phẩm)
- ✓ Khai tăng trị giá tính thuế để chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.
- ✓ Khai tăng trị giá tính thuế đối với hàng chỉ có thuế GTGT (mục đích để rút tiền từ ngân sách Nhà nước hoặc trốn thuế thu nhập doanh nghiệp).
- ✓ Khai báo giá thấp trên cơ sở đã thiết lập mặt bằng về giá đối với hàng hóa.
- ✓ Khai báo thấp dần hàng hóa cùng chủng loại nhập khẩu trước đó
- ✓ Khai mô tả sai hàng hóa để gian lận mức giá so sánh thấp hơn thực tế
- ✓ Khai hoán đổi trị giá ở hàng trị giá lớn thuế suất thấp, trị giá nhỏ thuế suất cao.
- ✓ Khai thay đổi giảm giá theo chu kỳ sản phẩm
- ✓ Khai được hưởng mức giá hoàn hảo do đàm phán, bạn hàng lâu năm
- ✓ Khai giá thấp do gian lận về quy cách đóng gói sản phẩm
- ✓ Khai giá thấp do chất lượng thay đổi
- ✓ Khai giá thấp do mua số lượng lớn, hàng tồn kho
- ✓ Khai chiết khấu, giảm giá không đúng thực tế
- ✓ Khai thiếu khoản phải cộng (Phí hoa hồng, môi giới; Phí bao bì, đóng gói hàng hóa; Phí nhân công đóng gói hàng hóa; Các khoản trợ giúp; Phí bản quyền, giấy phép; Khoản tiền trả cho người bán do quyền quyết định định đoạt của người bán; Chi phí vận tải; Chi phí bảo hiểm).
- ✓ Chuyển giá giữa công ty mẹ, công ty con các công ty trong cùng tập đoàn,...



2.3.2.2. Vấn đề xây dựng chế tài xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan đối với hàng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đang có chiều hướng gia tăng với hàng chục nghìn vụ bị phát hiện hàng năm. Tình trạng này không chỉ tác động trực tiếp đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh... mà còn tiềm ẩn nguy cơ thất thu ngân sách từ các hoạt động hải quan. Tuy nhiên, việc xử lý hiện đang gặp rất nhiều vướng mắc vì có hành vi vi phạm gây hậu quả thất thoát thuế nhưng không có chế tài xử phạt rõ ràng.

Cụ thể, một số quy định trong Luật Xử lý VPHC chưa rõ ràng, thiếu phù hợp với thực tế dẫn đến khó áp dụng thực hiện. Dẫn chiếu cụ thể, Tổng cục Hải quan cho biết, quy định về nguyên tắc xử phạt “Một người thực hiện nhiều hành vi VPHC hoặc VPHC nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm”. Tuy nhiên, quy định này lại chưa làm rõ trường hợp “vi phạm hành chính nhiều lần” thì có bị xử phạt về từng lần vi phạm hay chỉ bị xử phạt 1 lần và áp dụng tình tiết tăng nặng “vi phạm nhiều lần”. Vì vậy, có thể dẫn đến việc xử lý thiếu thống nhất.



Hơn thế, việc xác định tình tiết tăng nặng “vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc giá trị hàng hoá lớn” là rất khó vì không có căn cứ để xác định. Điều cần thiết là cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC; thẩm quyền tạm giữ tang vật... cũng còn nhiều hạn chế dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn. Đặc biệt, qua báo cáo của cục hải quan các tỉnh, thành phố và qua công tác kiểm tra việc thực hiện xử lý VPHC trong toàn ngành hải quan cho thấy, vẫn còn có một số hạn chế, lúng túng trong việc thực hiện nghiệp vụ xử phạt VPHC, như: kỹ năng phát hiện hành vi vi phạm,

xác định hành vi vi phạm; kỹ năng lập biên bản VPHC; xác định văn bản áp dụng trong việc ra quyết định xử phạt VPHC, xác định thẩm quyền xử phạt, mức phạt, thiết lập hồ sơ vụ vi phạm...



Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác xử phạt VPHC về hải quan và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xử phạt VPHC nói chung và cán bộ làm công tác xử phạt VPHC trong lĩnh vực hải quan nói riêng, Tổng cục Hải quan đề xuất, trước hết, về mặt cơ chế, chính sách, Bộ Tư pháp cần xem xét, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sớm sửa đổi các quy định của Luật Xử lý VPHC còn chưa phù hợp với thực tế, gây vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đồng thời, giải đáp các vướng mắc liên quan đến các quy định của Luật Xử lý VPHC và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

2.3.2.3. Vấn đề liên quan đến hoàn thiện nội quy khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng

Hiện nay, một số bộ phận cán bộ công chức hải quan có những hành vi vi phạm về kỷ cương, kỷ luật, quy tắc ứng xử của công chức Hải quan chưa đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng ảnh hưởng rõ rệt đến hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng:



- Tự ý phát ngôn làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của tổ chức, cá nhân, của Ngành. Gây bè phái, mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Không thực hiện các quy định về an toàn phòng chống cháy, nổ.

- Uống rượu, bia, đồ uống có cồn trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực; hút thuốc tại nơi có quy định cấm trong cơ quan; vi phạm luật giao thông hoặc các tệ nạn xã hội gây hậu quả ít nghiêm trọng hoặc đến mức bị cơ quan có thẩm quyền thông báo về cơ quan tổ chức đơn vị nơi công chức Hải quan đang công tác hoặc bị đăng tải trên phương tiện thông tin làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự của Ngành; tự ý bỏ việc, nghỉ việc không xin phép hoặc đã xin phép nhưng chưa được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Đưa, ép buộc hoặc hẹn gặp người dân, doanh nghiệp và các đơn vị, tổ chức ngoài Ngành đến những nơi, vị trí ngoài công sở, không phải là địa điểm, vị trí được quy định dùng để giải quyết công việc, để tiếp dân, doanh nghiệp hoặc ngoài giờ làm việc với mục đích gây phiền hà, sách nhiễu, gợi ý đưa tiền, quà biếu hoặc lợi ích khác.

- Cố ý kéo dài thời gian cung cấp tài liệu, không ký biên bản thanh tra, kiểm tra khi là đối tượng thanh tra, kiểm tra hoặc là người đại diện cho tổ chức là đối tượng thanh tra, kiểm tra. Lợi dụng vị trí công tác, cố ý làm trái pháp luật, sử dụng thông tin tài liệu liên quan đến nghiệp vụ hải quan để vụ lợi.

- Lợi dụng trách nhiệm, nhiệm vụ được giao nhũng nhiễu, vòi vĩnh, nhận tiền, quà hoặc các lợi ích khác ngoài quy định gây bức xúc dư luận, ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh của Ngành. Không thực hiện yêu cầu phối hợp công tác của đồng nghiệp, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến công việc được giao khi đã được lãnh đạo cơ quan, đơn vị đồng ý mà không có lý do chính đáng.

- Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ sự phân công công tác, mệnh lệnh, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hoặc tự ý bỏ vị trí làm việc, ca trực. Không báo cáo, báo cáo không kịp thời, không đúng, không đầy đủ

thông tin, số liệu, tình hình thuộc lĩnh vực, công việc của mình được giao đảm nhiệm.

- Có thái độ hách dịch, cửa quyền, thiếu phối hợp, hợp tác đối với người khai hải quan, các tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện quy trình nghiệp vụ hải quan.

- Trốn tránh trách nhiệm, đùn đẩy công việc; giải quyết, xử lý công việc được giao không đúng quy trình, thủ tục, thời hạn quy định mà không có lý do chính đáng.

- Quan liêu, nghiên cứu không kỹ, qua loa đại khái dẫn đến nội dung tham mưu, đề xuất, ban hành (văn bản nghiệp vụ; hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ; xử lý, giải quyết công việc...) thuộc phạm vi, nhiệm vụ được giao không đúng quy định. Sửa chữa, làm thay đổi bản chất, nội dung tờ trình, văn bản, quy định, hướng dẫn về nghiệp vụ hải quan khi đã có phê duyệt của Lãnh đạo đơn vị.

Tất cả các hành vi trên đều làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trong lĩnh vực hải quan nói chung và trong kiểm tra sau thông quan nói riêng. Do đó, cần đưa ra quy chế rõ ràng về kỷ cương công vụ, quy định rõ trách nhiệm của mỗi cán bộ công chức trong quá trình thực hiện kiểm tra sau thông quan.

2.4. Tiểu kết chương 2 và nhiệm vụ chương 3

Chương 2 đã giới thiệu chung về Cục Hải quan Hải Phòng và nêu ra 3 vấn đề thực trạng liên quan đến các giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan là: các sai phạm và gian lận của doanh nghiệp nhập khẩu, vấn đề xây dựng chế tài xử phạt doanh nghiệp nhập khẩu, vấn đề liên quan đến hoàn thiện nội quy khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức. Thông qua phân tích thực trạng, tác giả đã chỉ ra thực trạng khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm tra sau thông quan, không chỉ là sự thống nhất trong quy trình nghiệp vụ mà ngay cả khi có một quy trình kiểm tra sau thông quan đầy đủ các bước thì cũng cần chế tài xử phạt rõ ràng và chi tiết cụ thể đối với từng hành vi vi phạm trong lĩnh vực kiểm tra sau thông quan. Một phần ảnh

hưởng không nhỏ dẫn đến vi phạm của doanh nghiệp là có sự tác động từ một bộ phận cán bộ công chức Hải quan dưới nhiều hình thức khách quan và chủ quan. Do đó, cũng cần có quy chế thưởng phạt rõ ràng để đảm bảo cán bộ công chức Hải quan thực hiện nghiêm túc kỷ cương công vụ.

Từ đó, trong chương 3 tác giả sẽ đưa ra các giải pháp cụ thể để có thể mang lại hiệu quả thu thuế cho nhà nước, tăng cường tính tuân thủ pháp luật về hải quan của doanh nghiệp nhập khẩu hàng tiêu dùng, hạn chế tối đa các vi phạm đạo đức nghề nghiệp từ phía cán bộ công chức Hải quan. Từ đó, tạo một môi trường cạnh tranh lành mạnh trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới. Dựa vào xu hướng chiến lược hội nhập của Hải quan Việt Nam năm 2019-2023, tác giả trình bày cụ thể ba giải pháp có tác động qua lại và liên hệ chặt chẽ với nhau để đảm bảo việc kiểm tra sau thông quan được thực hiện đúng nguyên tắc “chính quy-chuyên nghiệp -hiện đại -công minh”.

CHƯƠNG 3. XU HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN HÀNG TIÊU DÙNG NHẬP KHẨU TẠI HẢI QUAN HẢI PHÒNG

3.1. Xu hướng chiến lược của Hải quan Việt Nam hội nhập với Hải quan thế giới giai đoạn 2019-2023

3.1.1 Thống nhất quan điểm chỉ đạo [6],[14]

Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2023 quán triệt các quan điểm sau:

a. Đảm bảo sự quản lý của Nhà nước; tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và chương trình cải cách nền hành chính; thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b. Tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật.

c. Lấy cải cách, hiện đại hóa làm cơ sở, tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng điểm, đồng thời có tính đến sự phát triển cân đối, hài hòa giữa các vùng, địa bàn đảm bảo sự phát triển, hiện đại hóa chung của Hải quan Việt Nam. Kết hợp phát huy nội lực là chính với tranh thủ sự hỗ trợ bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững.

d. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các Bộ, ngành, địa phương mà trong đó ngành Hải quan là nòng cốt và trên cơ sở giám sát, thực hiện của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân.

3.1.2 Mục tiêu phấn đấu [6],[14]

Xây dựng Hải quan Việt Nam hiện đại, có cơ chế, chính sách đầy đủ, minh bạch, thủ tục hải quan đơn giản, hài hòa đạt chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và áp dụng rộng rãi

phương thức quản lý rủi ro, đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Xây dựng lực lượng Hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu có trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả góp phần tạo thuận lợi cho các hoạt động thương mại hợp pháp, phát triển du lịch, thu hút đầu tư nước ngoài, đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.



3.1.3. Nhiệm vụ cụ thể [6],[14]

3.1.3.1. Về thể chế

Hải quan Hải Phòng phấn đấu xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật hải quan theo hướng hiện đại, đồng bộ, tuân thủ chủ trương về cải cách thủ tục hành chính và các chuẩn mực, cam kết quốc tế; xây dựng hệ thống pháp luật Hải quan hiện đại bao gồm đầy đủ các quy định về: thủ tục hải quan, chế độ quản lý hải quan và các cơ chế tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, các quy định về quản lý thuế, kiểm soát biên giới, chế tài, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, quy định quyền hạn của cơ quan hải quan tương xứng với trách nhiệm thực thi pháp luật hải quan, pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan.

3.1.3. 2. Về công tác nghiệp vụ hải quan

Hải quan Hải Phòng cùng với Hải quan cả nước phấn đấu đến năm 2020 và các năm sau đó về cơ bản các thủ tục và chế độ quản lý hải quan phải đơn giản, hiệu quả, hài hòa và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại các địa bàn trọng điểm; thực hiện việc trao đổi thông tin trước khi hàng đến, thanh toán, quản lý

các giấy phép bằng phương thức điện tử; thực hiện cơ chế doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt về thủ tục và an ninh theo các chuẩn mực của Tổ chức Hải quan thế giới; Áp dụng phương pháp quản lý rủi ro một cách hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan. Từ năm 2012, từng bước xử lý dữ liệu thông quan tập trung tại cấp Cục Hải quan; Thực hiện cơ chế một cửa hải quan quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN.

Quyết tâm tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ cơ bản và phòng, chống có trọng điểm, hiệu quả hoạt động buôn lậu, vận chuyển các mặt hàng cấm qua biên giới. Triển khai thực hiện các cam kết quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố, rửa tiền, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác hải quan về kiểm soát chung. Thực hiện việc áp dụng các hàng rào kỹ thuật theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế. Nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế ngang tầm với các nước trong khu vực. Đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, đảm bảo lợi ích quốc gia, hạn chế những thách thức, bất lợi phát sinh trong quá trình hội nhập. Đảm bảo nguồn thu của Ngân sách Nhà nước.

Phấn đấu đến năm 2020 và các năm sau đó hoạt động kiểm tra sau thông quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả, dựa trên phương pháp quản lý rủi ro với quy trình nghiệp vụ được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với các biện pháp chế tài, xử lý nghiêm minh.

3.1.3.3. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

Phấn đấu xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan hiện đại và theo nguyên tắc tập trung thống nhất, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường sự quản lý của Nhà nước, góp phần giữ gìn an ninh, an toàn quốc gia. Xây dựng lực lượng hải quan có trình độ chuyên nghiệp, hoạt động minh bạch, liêm chính, có hiệu lực, thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường, công nghệ và yêu cầu của tiến trình hội nhập quốc tế.



3.1.3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin thời đại 4.0

Cùng với tổng cục Hải quan Việt Nam, Hải quan Hải Phòng phấn đấu xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan hiện đại trên nền tảng tập trung hóa xử lý dữ liệu, tích hợp đầy đủ các chức năng, xử lý hồ sơ hải quan điện tử, manifest điện tử, thanh toán điện tử, giấy phép điện tử; xây dựng các trung tâm xử lý dữ liệu cấp vùng đạt mức độ 2+ trở lên, trung tâm xử lý dữ liệu ngành đạt mức độ 3+ trở lên, đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn an ninh, an toàn cao (24/24 và 24/7) và quản lý theo hướng dịch vụ; xây dựng cổng thông tin điện tử kết nối, trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan, thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia và một cửa khu vực ASEAN. Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của số liệu thống kê nhà nước về hải quan làm cơ sở cho việc theo dõi, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình nhập khẩu, nhập khẩu và các hoạt động khác phục vụ kịp thời cho công tác hoạch định, chỉ đạo, điều hành về các chính sách kinh tế, thương mại và thuế của các cơ quan nhà nước.

**Ứng dụng công nghệ phân tích và tổng hợp phân tích dữ liệu tự động:*

Ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) vào công tác thu thập thông tin, phân tích dữ liệu doanh nghiệp (đã xây dựng danh sách 750 doanh nghiệp trọng điểm KTSTQ ban hành kèm Quyết định) để chỉ đạo việc KTSTQ có hiệu quả. Hoàn thành việc xây dựng yêu cầu nâng cao nghiệp vụ nâng cấp hệ thống STQ01 theo hướng tự động thu thập tổng hợp thông tin dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp XNK và hàng hóa XNK từ các hệ thống cơ sở dữ liệu trong và ngoài ngành kết hợp với tiêu chí quản lý rủi ro để phân

tích lựa chọn đối tượng cần KTSTQ. Dự kiến hệ thống sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng Quý I năm 2019.



** Trang bị máy móc thiết bị hiện đại:*

Bên cạnh việc ứng dụng CNTT vào hoạt động KTSTQ thì việc trang bị máy móc, công cụ hiện đại phục vụ công tác KTSTQ cũng đã được triển khai tại Cục Hải quan Hải Phòng. Cục Hải quan đã trang bị hệ thống máy kiểm tra tài liệu hiện đại (Doculab 2600). Thông qua hệ thống này, phát hiện sơ bộ các dấu hiệu làm giả, tài liệu trong bộ hồ sơ hải quan.

** Tổ chức các hội nghị chuyên đề liên tỉnh*

Cục Hải quan Hải Phòng tiếp tục chủ trì và phối hợp nhiều đơn vị tổ chức thành công Các Hội thảo nhằm nâng cao kỹ năng KTSTQ về các lĩnh vực cho lực lượng KTSTQ, như chuyên đề về ô tô tải, camera, vòi, quặng các loại,...

3.1.4. Mục tiêu phấn đấu trong năm năm tiếp theo 2019-2023

Cục Hải quan Hải Phòng tiếp tục tập trung KTSTQ tại trụ sở người khai hải quan, chú trọng thu thập thông tin, phân tích đánh giá rủi ro kiểm tra tính tuân thủ pháp luật các doanh nghiệp, tập đoàn lớn: lĩnh vực, mặt hàng, nhóm mặt hàng có rủi ro cao và các doanh nghiệp chưa được KTSTQ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả tại các Chi cục tập trung đánh giá thông tin với những lô hàng luồng xanh có dấu hiệu rủi ro cao, các lô hàng có dấu hiệu nghi ngờ về mã số, trị giá, C/O. Trong đó chú trọng các lô hàng về trị giá, đảm bảo không bỏ sót các lô hàng có trị giá thấp và tránh phiền hà cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh nâng cấp và ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng quản lý rủi ro trong việc thu thập thông tin doanh nghiệp phục vụ hoạt động KTSTQ.

Từ 2019-2023, lực lượng KTSTQ quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN qua công tác KTSTQ với số thu hoặc vượt chỉ tiêu được giao trong năm. Năm sau cao hơn năm trước 10%. Trong đó số thu của các Chi cục đạt 30%, Số thu về trị giá chiếm 40%. Triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý doanh nghiệp ưu tiên, tiếp tục hướng dẫn vướng mắc, nghiên cứu hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về doanh nghiệp ưu tiên đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kinh nghiệm các nước và thực tiễn tại Việt Nam.

* *Mô hình mới về KTSTQ*: Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai mô hình mới có hiệu quả tại khắp Cục Hải quan Hải phòng. Tăng cường đào tạo bổ sung biên chế có trình độ nghiệp vụ cao khả năng sử dụng máy tính thành thạo, các phần mềm nghiệp vụ chuyên sâu đảm bảo công tác KTSTQ có hiệu quả. Liên tục hoàn thiện các hệ thống công nghệ thông tin sẵn có trong Cục Hải quan và nâng cấp để đạt được yêu cầu đánh giá tự động các tiêu chí quản lý rủi ro về thông tin doanh nghiệp, các lĩnh vực, nhóm hàng, mặt hàng có dấu hiệu vi phạm từ đó xây dựng kế hoạch, các chuyên đề cho các năm tiếp theo đảm bảo nguồn thu ổn định. Đề xuất kinh phí tổ chức các lớp học nghiệp vụ chuyên sâu về KTSTQ, kế toán, kiểm toán cho CBCC trong Cục, mời chuyên gia nước ngoài để tiếp thu các ứng dụng mới trong lĩnh vực KTSTQ. Đề xuất chương trình đào tạo cán bộ ở nước ngoài, trao đổi kinh nghiệm với các nước đang phát triển.

3.1.5. Một số chỉ tiêu cụ thể và lộ trình thực hiện [10]

Thực hiện thủ tục hải quan điện tử: đến 2020 có 60% các loại hình hải quan cơ bản, 70% kim ngạch xuất nhập khẩu, 60% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

Thời gian thông quan hàng hóa đến 2020 bằng với mức trung bình của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại thời điểm 2010 và đến 2023 phấn đấu bằng với mức của các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á tại cùng thời điểm.

Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa đến 2020 là dưới 10% và đến 2023 phấn đấu đạt dưới 7%.

Tỷ lệ các giấy phép xuất nhập khẩu thực hiện trong cơ chế một cửa hải quan quốc gia đến 2020 là 50% và đến 2023 là 90%.

Tập trung hóa xử lý dữ liệu điện tử của hệ thống thông quan hải quan vào năm 2020.

Đến 2020, 100% các Chi cục Hải quan, 100% các loại hình hải quan cơ bản, 90% kim ngạch xuất nhập khẩu, 80% doanh nghiệp thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

3.2 Định hướng của Hải quan Hải Phòng trong xu hướng hội nhập của Hải quan Việt Nam [10]

Theo đánh giá tại Báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội tình hình chung của thế giới và khu vực và tình hình trong nước được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới năm 2018 tăng trưởng cao hơn năm 2017 nhưng không đồng đều và còn nhiều rủi ro, kinh tế Việt Nam còn nhiều tồn tại, yếu kém. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 ở mọi mặt trận, thực hiện chủ đề: “Cải tiến phương pháp quản lý, ứng dụng CNTT trong kiểm soát công việc trên tất cả các lĩnh vực”, hướng tới mục tiêu không để sót, lọt, tồn việc, chậm xử lý hồ sơ nghiệp vụ do lỗi chủ quan của CBCC. Trong bối cảnh đó, để hoàn thành nhiệm vụ được giao Cục Hải quan TP Hải Phòng xác định phương hướng nhiệm vụ trong những năm 2019-2023 với những nội dung trọng tâm sau.

3.2.1. Chú trọng công tác xây dựng lực lượng hải quan trong sạch, vững mạnh

Tiếp tục quán triệt toàn thể CBCC thực hiện chủ đề nhiệm kỳ 2015-2020: “Cải cách - Kỷ cương - Chuyên nghiệp” và phương châm công vụ của Cục Hải quan TP Hải Phòng: “Tận tình hướng dẫn - Thái độ lịch sự - Tác phong nhanh nhẹn”; tạo sự đồng thuận, thống nhất trong tập thể lãnh đạo và công chức thừa hành trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tổ chức thực hiện Quy định về văn hóa ứng xử của CBCC Hải quan Việt Nam; Đẩy mạnh kiểm tra hoạt động công vụ; giám sát trực tuyến hoạt động công vụ tại Phòng quan sát camera và Kế hoạch kiểm tra nội bộ của Cục năm 2018.

Tiếp tục duy trì kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi nhiệm vụ, chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng; Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Kiên toàn nhân sự lãnh đạo cấp Cục khi có phê duyệt của Tổng cục Hải quan; Đánh giá tình hình biên chế, nhân sự tại các đơn vị thuộc Cục để bố trí lại lực lượng giám sát tại các Chi cục Hải quan cửa khẩu sau khi Đề án kiểm tra, giám sát hàng hoá chính thức triển khai; Xây dựng kế hoạch khảo sát, đánh giá trình độ, năng lực quản lý của Lãnh đạo cấp Tổ, đội thuộc Cục.

3.2.2. Hiện đại hóa Hải quan, đơn giản hoá thủ tục hải quan

Triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về Hải quan và địa điểm kiểm tra tập trung tại Cảng Lạch Huyện; Quản lý cửa hàng miễn thuế theo Nghị định 167/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 về kinh doanh cửa hàng miễn thuế; Xây dựng trình tự thực hiện nghiệp vụ thủ tục hàng hóa đưa vào, đưa ra kho ngoại quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng; Xây dựng trình tự kiểm tra công nhận kho bãi, địa điểm kiểm tra tập trung theo Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Thông tư 84/2017/TT-BTC ngày 08/9/2017.

Đảm bảo thực hiện yêu cầu quản lý dựa trên quy định của pháp luật và văn bản bản hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan cấp trên, đồng thời chú trọng xây dựng, phát triển mối quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp đồng hành, chia sẻ khó khăn, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp an tâm đến làm TTHQ tại Cục Hải quan. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh và kế hoạch triển khai Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Tập trung rà soát, đơn giản hóa thủ

tục hành chính với mục tiêu giảm mạnh thời gian thông quan hàng hóa theo chỉ đạo của Chính Phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 980/QĐ-TCHQ về cải cách, phát triển hiện đại hóa Cục Hải quan TP Hải Phòng giai đoạn 2016- 2020; Trong đó chú trọng vào nghiên cứu tham gia ý kiến và triển khai kịp thời Nghị định 08/2015/NĐ-CP sửa đổi và Thông tư 38/2015/TT-BTC sửa đổi; Tích cực trao đổi thông tin với các Hiệp hội, chủ động nắm bắt và tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc của các DN;

Tích cực thực hiện các Đề án: Kiểm tra, giám sát tự động đối với hàng hóa XK, NK qua khu vực kho bãi cảng Hải Phòng trên hệ thống điện tử; Quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ kiểm soát công việc và tra cứu nghiệp vụ trong thông quan; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết nối với doanh nghiệp phục vụ việc quản lý và xử lý báo cáo quyết toán đối với loại hình nhập tiêu dùng, SXKK, chế xuất.

3.2.3. Phân đấu hoàn thành nhiệm vụ thu nộp ngân sách nhà nước

Từ năm 2018 một số Biểu thuế ưu đãi đặc biệt có nhiều dòng hàng có mức thuế suất giảm sâu và về 0%, đặc biệt thuế nhập khẩu các dòng xe ô tô dưới 9 chỗ từ các nước ASEAN về Việt Nam sẽ giảm từ 30% về 0%, ảnh hưởng đến số thuế nhập khẩu mặt hàng này; Đồng thời Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn đi vào hoạt động, sẽ làm giảm số thu thuế từ xăng dầu NK. Do vậy, Cục Hải quan TP Hải Phòng xây dựng quyết tâm chính trị hoàn thành nhiệm vụ thu nộp NSNN được giao:



Thường xuyên quán triệt, chỉ đạo và tăng cường kiểm tra CBCC trong việc thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp thu NSNN, đảm bảo quản lý nguồn thu nhằm phân đấu thu đạt và vượt dự toán thu NSNN 2018; Tăng

cường công tác quản lý nợ thuế: Đẩy mạnh đôn đốc thu hồi các khoản nợ để thực hiện thu hồi và thực hiện có hiệu quả biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đúng thủ tục, trình tự của pháp luật...; Tăng cường các giải pháp chống thất thu, tăng thu ngân sách Nhà nước: Đẩy mạnh công tác KTSTQ, tập trung kiểm tra các doanh nghiệp, lĩnh vực, mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao, nâng cao hiệu quả kiểm tra với các chuyên đề trên phạm vi toàn quốc; Công tác quản lý trị giá tính thuế, chống thất thu qua giá; Chống thất thu qua mã số hàng hóa; Chống thất thu về số lượng, chủng loại hàng; Chủ động nghiên cứu văn bản mới; Báo cáo TCHQ khi có vướng mắc phát sinh; Kiểm tra rà soát các nghiệp vụ, báo cáo của các Chi cục để hướng dẫn thực hiện thống nhất trong toàn Cục. (Ví dụ: Tiến hành khảo sát công tác miễn thuế, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác cấp Danh mục miễn thuế tại các Chi cục, Rà soát báo cáo kế toán khi TCHQ hoàn thiện chương trình kế toán trên máy...);

3.2.4. Tăng cường hoạt động chống gian lận thương mại

Trước mắt tập trung công tác thu thập thông tin, điều tra nghiên cứu nắm tình hình về loại hình đầu tư gai công, SXXK; về hành vi xuất không hoàn VAT; về hành vi chuyển giá, chuyển tiền; kiểm tra, kiểm soát đối với hàng nhập khẩu vận chuyển độc lập và vận chuyển kết hợp đến địa bàn Hà Nội, Bắc Ninh; Tổ chức nắm tình hình hoạt động các đối tượng, đường dây, ổ nhóm, phương thức thủ đoạn buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa và gian lận thương mại; Tăng cường bám sát địa bàn, đối tượng trọng điểm; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng trong trao đổi thông tin, phát hiện, bắt giữ và xử lý các hành vi vi phạm; Tập trung đấu tranh ngăn chặn kịp thời các hành vi buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, các chất ma túy qua biên giới, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt các mặt hàng có thuế suất cao như rượu, bia, thuốc lá... và các mặt hàng trọng điểm như động vật hoang dã, các chất ma túy, vũ khí, pháo nổ, văn hóa phẩm độc hại,... Đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát đối với hàng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu; Bên cạnh Kế hoạch đấu tranh chống

buôn bán trái phép chất ma túy trên địa bàn cảng biển đã xây dựng, tiếp tục triển khai công tác kiểm soát hải quan tại Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi TP Hải Phòng; Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiểm soát rủi ro số 37/QLRR-KSRR ngày 18/9/2017 để nâng cao hiệu quả công tác quản lý rủi ro; Triển khai có hiệu quả các Chuyên đề kiểm soát rủi ro theo kế hoạch của Tổng cục Hải quan; Phối hợp với Cục QLRR -TCHQ và các Chi cục Hải quan triển khai áp dụng hiệu quả 05 phiên bản tiêu chí phân luồng quyết định kiểm tra sau theo Kế hoạch của Tổng cục Hải quan.

Nâng cao chất lượng thu thập, cập nhật hồ sơ doanh nghiệp để phục vụ hữu hiệu cho quản lý, đánh giá rủi ro doanh nghiệp; Tăng cường phân tích thông tin dữ liệu trên Hệ thống nghiệp vụ nhằm kịp thời phát hiện các lô hàng có dấu hiệu vi phạm, thực hiện các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với các lô hàng khai báo theo phương thức vận chuyển độc lập, vận chuyển kết hợp; Theo dõi, rà soát Online trên Hệ thống, phân tích, xác định mức độ rủi ro, kịp thời chuyển thông tin các lô hàng có dấu hiệu vi phạm đến Chi cục Hải quan cửa khẩu để có biện pháp kiểm tra, kiểm soát; Phân tích thông tin trên Hệ thống E-manifest để lựa chọn container thực hiện soi chiếu trong quá trình xếp dỡ hàng hóa; phân tích thông tin hàng tồn tại cảng để lựa chọn container có rủi ro cao thực hiện kiểm tra qua máy soi container; Thu thập, phân tích thông tin, xây dựng hồ sơ rủi ro hành khách XNC tại cảng hàng không quốc tế; Tăng cường rà soát, nhận diện rủi ro về chế độ chính sách, mã, giá, C/O; mặt hàng trọng điểm, có rủi ro cao; Phân tích, đánh giá rủi ro đối với các doanh nghiệp hủy, sửa tờ khai; doanh nghiệp bị xử phạt VPHC; Rà soát, đánh giá doanh nghiệp hoạt động theo loại hình nhập tiêu dùng, SXKK, chế xuất; Phân tích, lựa chọn xác định doanh nghiệp có rủi ro cao đề xuất biện pháp quản lý phù hợp; Nghiên cứu và triển khai nghiệp vụ phân tích sau bắt giữ.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra sau thông quan; Chủ động thu thập, phân tích và xử lý thông tin, lập kế hoạch, xác định được đối tượng kiểm tra sau thông quan; Ưu tiên, chú trọng vào việc kiểm tra, phát hiện những vấn đề

mới, vấn đề nóng, xây dựng nhóm các chuyên đề trọng điểm, để đảm bảo ngăn chặn kịp thời những hành vi gian lận, trốn thuế, lợi dụng sơ hở của chính sách pháp luật; Đẩy mạnh hơn nữa công tác trao đổi, thu thập, phân tích thông tin để lựa chọn Doanh nghiệp thực hiện KTSTQ có trọng tâm, trọng điểm, có khả năng mang lại số thu NSNN lớn; Tiếp tục tư duy đổi mới phương pháp, cách thức kiểm tra năng cao hiệu quả công tác KTSTQ đối với Doanh nghiệp GC, SXKK và chế xuất nhằm xác định, phát hiện được những nguyên nhân cụ thể dẫn đến chênh lệch NPL

Bảng 3.1: Dự báo kết quả thu Ngân sách nhà nước

DVT: triệu đồng

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số thu	46,985,000	51,683,500	56,851,850	62,537,035	68,790,739
Thuế GTGT	32,000,000	35,200,000	38,720,000	42,592,000	46,851,200
Thuế XK	180,000	198,000	217,800	239,580	263,538
Thuế NK	9,100,000	10,010,000	11,011,000	12,112,100	13,323,310
Thuế TTĐB	5,400,000	5,940,000	6,534,000	7,187,400	7,906,140
Thu khác	305,000	335,500	369,050	405,955	446,551

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ)

Bảng 3.2: Dự báo Số cuộc kiểm tra sau thông quan

DVT: cuộc kiểm tra

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Số vụ kiểm tra sau thông quan tại Cơ quan Hải quan(Vụ)	1138	1365	1500	1650	1800	1980
Số vụ kiểm tra sau thông quan tại Trụ sở người khai hải quan(Vụ)	145	174	191	210	231	254
Số thuế(Tỷ đồng)	344	378	416	457	503	554
Tiền xử phạt(Tỷ đồng)	19	21	23	25	27	29

(Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ)

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu

3.3.1. Giải pháp 1: Hoàn thiện quy trình để nâng cao hiệu quả KTSTQ tại Hải quan Hải Phòng đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu

Phần đầu số thu qua KTSTQ tại Cục Hải quan TP Hải Phòng đối với các mặt hàng thường xuyên, có kim ngạch lớn đạt trên 30 tỷ đồng chiếm trên 8% số thực thu của toàn Cục.

** Căn cứ đề xuất*

- Căn cứ vào cơ sở lý thuyết ở Chương 1 và căn cứ vào thực trạng hải quan tại Hải Phòng ở chương 2, thành phố Hải Phòng chưa thực sự có được một quy trình thống nhất thực hiện kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu nào để đảm bảo nguồn thu thuế ổn định và lâu dài góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Hải quan Hải Phòng.

- Căn cứ vào xu hướng nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan ở phần 3.1 cũng chỉ rõ rằng nên đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng nhập khẩu tại Hải Phòng để nâng cao vị thế của kiểm tra sau thông quan của Hải Phòng nói riêng và của Cục Hải quan Hải Phòng nói chung để xứng tầm cả về chất và về lượng trong cả nước..

Nội dung giải pháp 1

Bước 1: Xác định các vấn đề có thể gặp phải khi thu thập thông tin:

- Giá khai báo khi nhập khẩu của doanh nghiệp thấp hơn giá khai báo của hàng giống hệt, tương tự so với doanh nghiệp khác.

- Cùng một chủng loại mặt hàng nhưng có trị giá khai báo khác nhau, cao thấp bất thường trong từng thời kỳ.

- Giá khai báo thấp hơn giá tham chiếu mặt hàng giống hệt tương tự trong Danh mục quản lý rủi ro về giá(theo từng thời kỳ) hoặc so với giá tra cứu cùng loại tại các Website tin cậy trên thị trường quốc tế;

-Doanh nghiệp có mối quan hệ đặc biệt với đối tác, có quan hệ đặc biệt với hải quan hay không.

Bước 2: Lựa chọn mặt hàng, doanh nghiệp kiểm tra:

Ưu tiên tập trung vào các doanh nghiệp có mặt hàng có trị giá thuế suất cao như ô tô, rượu bia, thuốc lá,...

Bước 3: Chuẩn bị thông tin trước kiểm tra sau thông quan tại trụ sở hải quan:

Ban hành thông báo yêu cầu doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ xuất trình theo quy định liên quan đến hồ sơ hải quan, hồ sơ sổ sách chứng từ kế toán liên quan đến lô hàng nhập khẩu, hồ sơ kỹ thuật.

Bước 4a: Tiến hành xác minh thông tin bước đầu phục vụ kiểm tra:

Lựa chọn các tờ khai có các mặt hàng nghi vấn về giá đã thu thập được trong quá trình thu thập để đề nghị các cơ quan liên quan cung cấp thêm hồ sơ chứng từ liên quan để xác minh giá bán đầu ra của doanh nghiệp cho các đại lý, người tiêu dùng trên thị trường.

Bước 4b: Tiến hành kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan:

Kiểm tra hồ sơ hải quan và các chứng từ tài liệu liên quan: Kiểm tra điều kiện nhập khẩu, kiểm tra hợp đồng nguyên tắc/hợp đồng mua bán, Kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của các hồ sơ chứng từ doanh nghiệp xuất trình, Kiểm tra sự thống nhất phù hợp giữa các chứng từ lưu giữ liên quan.

Bước 5 Tiến hành xác minh thông tin trong quá trình kiểm tra tại một số tổ chức, cá nhân như ngân hàng, người tiêu dùng,...

Bước 6: Thực hiện các thủ tục ban hành các quyết định hành chính theo quy định.

Bảng 3.3 : Tóm tắt các bước thực hiện giải pháp 1

Bước	Nội dung thực hiện
1	Xác định các vấn đề có thể gặp phải khi thu thập thông tin
2	Lựa chọn mặt hàng, doanh nghiệp kiểm tra
3	Chuẩn bị thông tin trước kiểm tra sau thông quan tại trụ sở hải quan
4a	Tiến hành xác minh thông tin bước đầu phục vụ kiểm tra:
4b	Tiến hành kiểm tra tại trụ sở người khai hải quan:
5	Tiến hành xác minh thông tin trong quá trình kiểm tra tại một số tổ chức, cá nhân như ngân hàng, người tiêu dùng,...
6	Thực hiện các thủ tục ban hành các quyết định hành chính theo quy định

Bảng 3.4 Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 1 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019

Việc cần làm	2019								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến									
Lập kế hoạch (có ngân sách)									
Xác định 05 mặt hàng kiểm tra									
Lựa chọn 50 doanh nghiệp									
Thực hiện KTSTQ tại DN									
Rút kinh nghiệm, đánh giá DN									

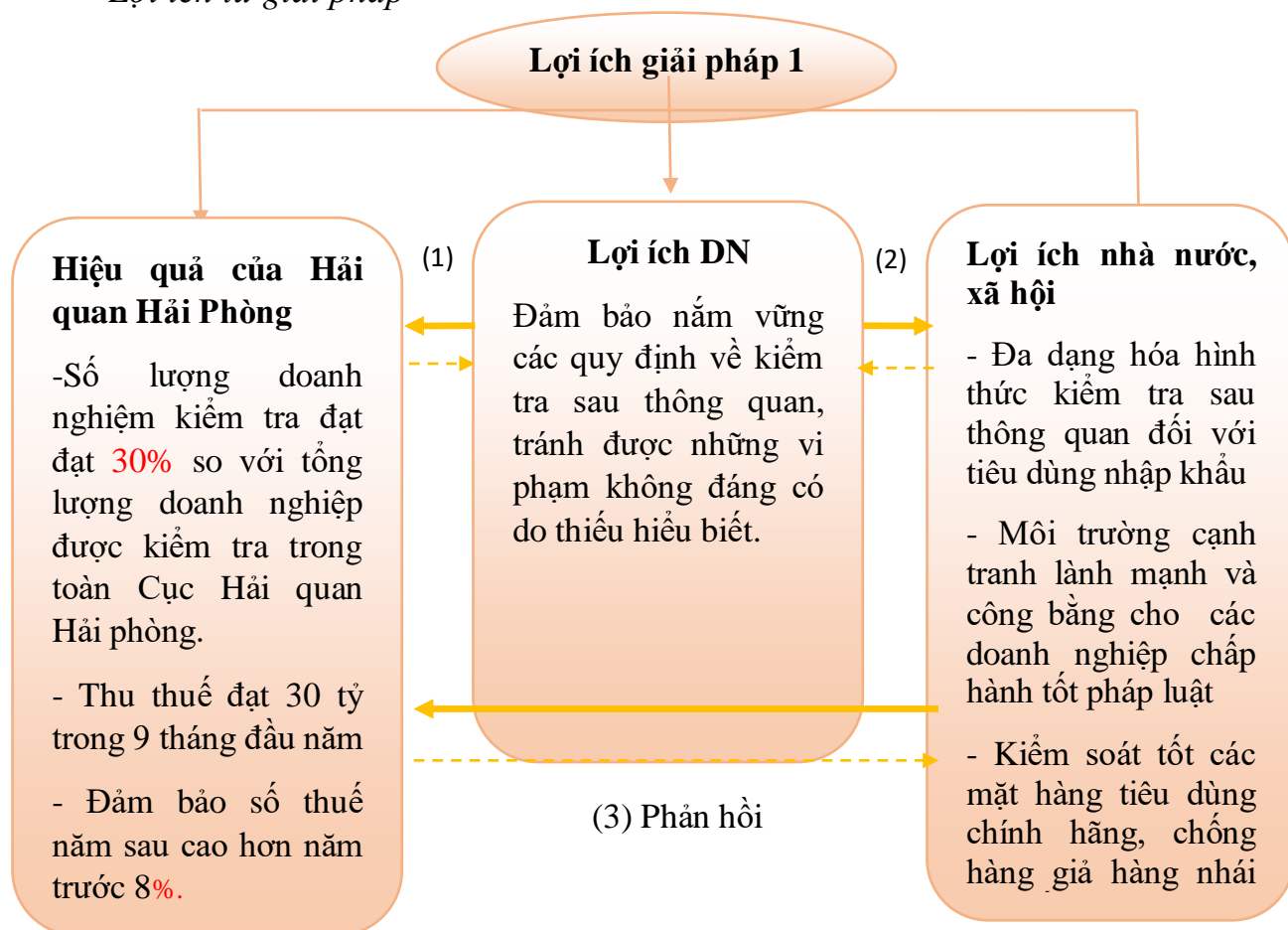
Dự kiến kinh phí thực hiện giải pháp 1

Bảng 3.5: Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 1

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng chi phí
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến	30
2	Thông báo cho doanh nghiệp	50
3	Trang thiết bị, máy móc	15
4	Chi phí ăn, ở và đi lại(10 triệu/doanh nghiệp, 5 ngày làm việc, đoàn làm việc 3-4 người)	500
5	Tổng số	585

Lợi ích từ giải pháp



Sơ đồ 3.1: Lợi ích giải pháp 1

Điều kiện và khuyến nghị

Để triển khai giải pháp mang lại hiệu quả như mong đợi, các bộ phận liên quan cần phải tập trung chuẩn bị, nghiên cứu, lên kế hoạch nâng cao hiệu quả các kiểm tra sau thông quan. Ban lãnh đạo cần có hướng chỉ đạo đúng đắn, để việc triển khai và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra theo đúng kế hoạch. Đồng thời kịp thời chấn chỉnh nhắc nhở và xử lý kịp thời các trường hợp công chức hoặc doanh nghiệp không thực hiện đúng kế hoạch. Từ đó đảm bảo nguồn thu ổn định và đạt số thu tối thiểu như dự kiến.

➤ Lập danh sách các nhóm hàng nhập khẩu tiêu dùng: đưa ra danh sách các mặt hàng nhập khẩu tiêu dùng có tần suất nhập khẩu dày đặc, kim ngạch lớn, thuế suất cao để đánh giá tính rủi ro về thuế của các nhóm hàng này. Ở bước này, yêu cầu có sự tập trung chỉ đạo của Cục Hải quan Tp Hải Phòng

theo từng năm sẽ tập trung vào các nhóm mặt hàng khác nhau (như camera, điện tử điện lạnh, ô tô,...)

➤ Tập trung các lĩnh vực kiểm tra: là các lĩnh vực cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trong một thời gian nhất định, mục đích đưa ra các lĩnh vực này để công chức hải quan có định hướng sẽ lựa chọn lĩnh vực nào trước mà theo họ là đúng sở trường chuyên môn nghiệp vụ của họ đang thực hiện.

➤ Thiết kế quy trình kiểm tra sau thông quan và dự kiến số thu: phần việc này đảm bảo việc thực hiện kiểm tra sẽ đúng kế hoạch và các cấp lãnh đạo sẽ dự đoán được số thu một phần cơ bản đảm bảo nhiệm vụ chính trị luôn được hoàn thành

➤ Để tránh trường hợp các doanh nghiệp hoạt động đối phó, không cung cấp số liệu thì chế tài xử phạt cũng phải thay đổi, cụ thể là tăng hình thức xử phạt. Theo Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 45 quy định về chế tài xử phạt đối với hành vi “Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa nhập khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật” thì chỉ áp dụng xử phạt từ 4 đến 10 triệu đồng. Như vậy là chưa đủ ỨC RĂN ĐỀ.

3.3.2. Giải pháp 2: Xây dựng chế tài khen thưởng và xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan nhập khẩu hàng tiêu dùng tại Hải quan Hải Phòng

**** Mục tiêu của biện pháp***

Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Hải quan góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế.

Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp, tạo chuyển đổi căn bản phương thức quản lý từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về Hải quan, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.

Đảm bảo chế tài có tính răn đe và ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại trốn thuế mang tính hệ thống.

Chuẩn bị hành lang pháp lý sau khi thực hiện tốt giải pháp 1 và giải pháp 2 thì khâu xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan được thông suốt. Các hành vi vi phạm trốn thuế sẽ có chế tài xử phạt công bằng, liêm chính chống gian lận, thông đồng giữa cán bộ công chức và doanh nghiệp.

Chế tài giúp Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan TP Hải Phòng đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đấu tranh chống lại các hành vi gian lận thương mại thông qua các hoạt động xuất nhập khẩu đạt hiệu quả.

Bên cạnh đó, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động doanh nghiệp tự giác và tích cực tham gia xây dựng chế tài đảm bảo cạnh tranh công bằng, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại, cạnh tranh không công bằng, để đạt được các chỉ số đã dự đoán ở giải pháp 1 và giải pháp 2.

** Căn cứ đề xuất giải pháp*

Căn cứ từ cơ sở lý luận ở chương 1, cần phải lên kế hoạch để tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng về các quy định về hải quan nói chung và về kiểm tra sau thông quan nói riêng.

Căn cứ vào thực trạng được phân tích ở chương 2, nếu chỉ chuẩn hóa quy trình kiểm tra sau thông quan và công chức hải quan chấp hành kỷ cương kỷ luật tốt thì chưa thể khẳng định được sự thành công của kiểm tra sau thông quan đều không có sự hợp tác, và chấp hành nghiêm pháp luật của doanh nghiệp. Đó đó cần có chế tài xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm của doanh nghiệp đảm bảo công tác kiểm tra sau thông quan được hiệu quả mạnh mẽ hơn.

Căn cứ định hướng chiến lược thời kỳ hội nhập theo xu thế cách mạng công nghiệp 4.0 của Cục hải quan Hải Phòng trong những năm sắp tới, tiến tới một Cục hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, thân thiện nhưng vẫn thực hiện

ng nghiêm túc nhiệm vụ thu thuế với cộng đồng doanh nghiệp luôn tự giác chấp hành pháp luật về hải quan.

** Nội dung giải pháp*

- *Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế*

a) Không khai, nộp, xuất trình, cung cấp thông tin hồ sơ hải quan đúng thời hạn quy định.

b) Báo cáo về lượng hàng hóa nhập khẩu phục vụ xây dựng nhà xưởng, hàng hóa gửi kho bên ngoài của doanh nghiệp chế xuất;

b) Khai báo và làm thủ tục không đúng thời hạn quy định khi chuyển tiêu thụ nội địa hoặc thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế, hoàn thuế, không thu thuế;

d) Vi phạm các quy định về thời hạn xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm; máy móc, thiết bị thuê, mượn khi hợp đồng gia công kết thúc hoặc hết hiệu lực;

đ) Không thông báo cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, sản phẩm xuất khẩu đúng thời hạn quy định;

e) Không thông báo đúng thời hạn quy định khi thuê tổ chức, cá nhân khác gia công lại;

g) Không tái xuất, tái nhập hàng hóa đúng thời hạn quy định hoặc thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan, trừ vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này;

- *Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm quy định về khai hải quan như sau:*

-Hành vi không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, xuất xứ hàng hóa.

- Hành vi khai báo hàng hóa nhập khẩu theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu nhưng không có cơ sở sản xuất hàng gia công, cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu.

- Hành vi khai khống về tên hàng, số lượng, trọng lượng, trị giá hàng hóa xuất khẩu; trừ hàng hóa xuất khẩu là sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất xuất khẩu, sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất.

- *Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:*

a) Không xuất trình hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan, hàng hóa còn đang lưu giữ là đối tượng kiểm tra sau thông quan để cơ quan hải quan kiểm tra theo quy định của pháp luật hải quan;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng thời hạn hồ sơ, chứng từ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khi cơ quan hải quan yêu cầu theo quy định của pháp luật.

c) Không bảo quản nguyên trạng hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan hoặc hàng hóa được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành việc thông quan;

d) Lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định hoặc địa điểm đã đăng ký với cơ quan hải quan;

e) Đưa nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị đến cơ sở khác gia công lại mà không thông báo cho cơ quan hải quan.

f) Tiêu thụ hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan.

- *Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi:*

a) Hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật hoặc thuộc

trường hợp phải có giấy phép mà không có giấy phép khi xuất khẩu, nhập khẩu;

- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

b) Buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm

c) Khai sai mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế đối với những mặt hàng đã được cơ quan hải quan hướng dẫn mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế;

d) Không khai hoặc khai sai về tên hàng, chủng loại, số lượng, khối lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, mức thuế, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mà cơ quan hải quan phát hiện khi thanh tra, kiểm tra sau thông quan nhưng cá nhân, tổ chức vi phạm không tự nguyện nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo quy định trước thời điểm lập biên bản vi phạm;

e) Xuất khẩu sản phẩm theo loại hình gia công, sản xuất xuất khẩu hoặc xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất mà sản phẩm xuất khẩu không được sản xuất từ nguyên liệu đã nhập khẩu; nhập khẩu sản phẩm theo loại hình gia công từ nước ngoài mà sản phẩm nhập khẩu không được sản xuất từ nguyên liệu đã xuất khẩu;

- *Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu*

- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không đúng nội dung giấy phép;

- Hành vi sử dụng không đúng mục đích hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện, máy móc, thiết bị để gia công thuộc danh mục phải có giấy phép mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Sử dụng mã số mã vạch nước ngoài để in trên sản phẩm, hàng hóa sản xuất, gia công, bao gói, sang chiết tại Việt nam mà chưa được cơ quan nước ngoài có thẩm quyền hoặc tổ chức sở hữu mã số mã vạch đó cho phép bằng văn bản.

** Kế hoạch triển khai*

Cục Hải quan TP Hải phòng: Chỉ đạo và tổ chức hội nghị, nghiệm thu giải pháp sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp của các đối tượng liên quan. Sau

khi giải pháp được phê duyệt, tổ chức công bố rộng rãi nội dung đề án tới các địa phương và các đối tượng có liên quan để có chung nhận thức tạo cơ sở cho việc liên kết nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan Hải Phòng đã được xác định.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng căn cứ vai trò, trách nhiệm trong việc tham gia nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan, chỉ đạo Các Sở ban ngành liên quan lĩnh vực Hải quan phối hợp thực hiện các nội dung của giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan của Hải quan Hải Phòng

Cục Hải quan Hải quan phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp các ngành hàng và các địa phương lân cận..., chỉ đạo các doanh nghiệp kinh doanh có hoạt động xuất nhập khẩu xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể để triển khai thực hiện nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan trong giai đoạn 2019 -2023.

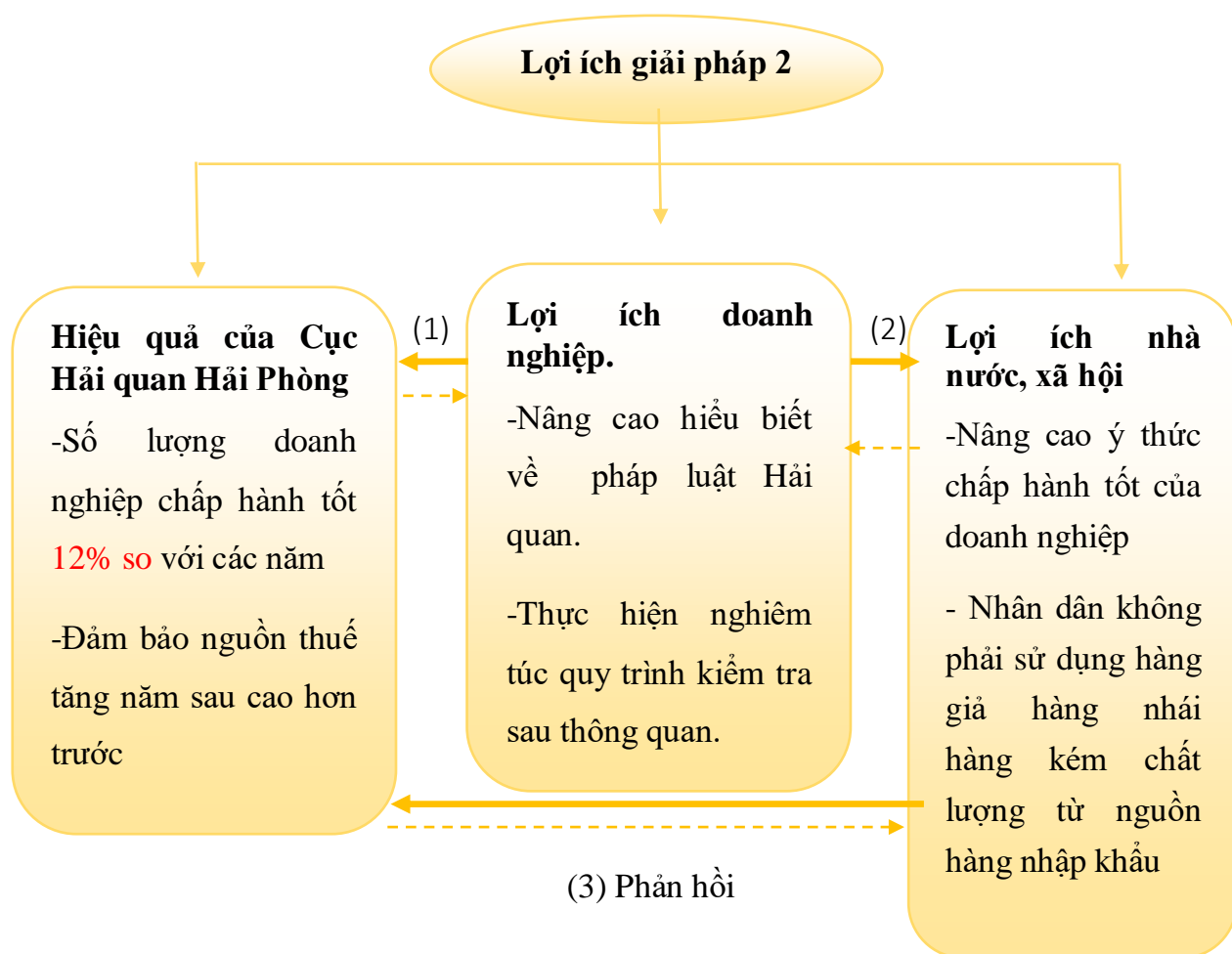
** Dự kiến kinh phí thực hiện giải pháp 2*

Bảng 3.6: Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 2

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng chi phí
1	Tổ chức hội nghị thường kỳ 1 tháng/lần	30
2	Tuyên truyền trên trang mạng hàng tháng	10
4	Trang thiết bị, máy móc	15
5	Duy trì Tiểu ban trả lời giải đáp vướng mắc	25
Tổng		80

** Lợi ích từ giải pháp 2*



Sơ đồ 3.2: Lợi ích của giải pháp 2

** Điều kiện và khuyến nghị*

Có kế hoạch cụ thể trong việc triển khai thực hiện các công việc, phân chia công việc rõ ràng để giải quyết khối lượng công việc lớn. Cần có kế hoạch và mục tiêu trước khi tham gia các hội nghị diễn đàn giữa Hải quan và Doanh nghiệp.

Các cơ quan nhà nước kịp thời ban hành các nghị quyết và quyết định về nâng cao hiệu quả Hải quan Hải Phòng, tạo hành lang pháp lý để hải quan có cơ sở chắc chắn và vững vàng để hoạt động. Tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp nhập khẩu có thể tiếp cận được với quy định mới nhất về hải quan nói chung và kiểm tra sau thông quan nói riêng.

3.3.3. Giải pháp 3: Hoàn thiện quy chế khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng

** Mục tiêu của giải pháp*

Nội quy thưởng phạt quy định trách nhiệm của cán bộ công chức (gọi tắt là CBCC) trong thực thi nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan. Nội quy áp dụng đối với lãnh đạo các cấp và công chức thừa hành kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Nội quy quy định về cơ chế quản lý, kiểm soát nội bộ và chế độ trách nhiệm của CBCC trong thực thi công vụ phải đáp ứng yêu cầu chủ yếu là: lãnh đạo các cấp phải nắm bắt, kiểm soát được toàn bộ công việc thuộc thẩm quyền, đồng thời đảm bảo các mục tiêu cụ thể như sau:

Đảm bảo tuân thủ pháp luật, báo cáo đầy đủ và kịp thời về các nội dung vấn đề phát sinh tại các đơn vị/ bộ phận kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng.

Quy định toàn diện, khách quan, cụ thể về cơ chế quản lý, kiểm soát nội bộ và chế độ trách nhiệm của CBCC trong thực thi nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong quá trình thực hiện.

Bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ và kịp thời về các nội dung vấn đề phát sinh tại các đơn vị/ bộ phận kiểm tra sau thông quan tại Cục.

Đảm bảo việc thực hiện các quy định, cơ chế xử lý công việc của Cục đã ban hành về kiểm tra sau thông quan được đầy đủ, toàn diện và đúng thời hạn.

Góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ chấp hành luật pháp của CBCC; đẩy mạnh cải cách, thực hiện nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật hành chính, hướng tới sự chuyên nghiệp toàn diện trong hoạt động kiểm tra sau thông quan của CBCC Cục Hải quan TP Hải Phòng.

** Căn cứ đề xuất*

Căn cứ từ cơ sở lý luận ở chương 1, cần phải lên kế hoạch để tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng về các quy định về hải quan nói chung và về kiểm tra sau thông quan nói riêng.

Căn cứ vào thực trạng được phân tích ở chương 2, cần chuẩn hóa quy định đảm bảo công chức hải quan chấp hành kỷ cương kỷ luật trong lĩnh vực thuế và hải quan khi thực hiện kiểm tra sau thông quan.

Căn cứ xu hướng phát triển của Cục hải quan Hải Phòng trong những năm sắp tới, theo xu thế cạnh tranh và hội nhập ngày càng sâu rộng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mạnh, tiến tới một Cục hải quan hiện đại, chuyên nghiệp, thân thiện nhưng vẫn thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ thu thuế với cộng đồng doanh nghiệp luôn tự giác chấp hành pháp luật về hải quan.

** Nội dung giải pháp 3*

+ Đối với lãnh đạo các cấp:

- Chủ động thực hiện các biện pháp nhằm quản lý, kiểm soát các nội dung công việc thuộc phạm vi xử lý, thẩm quyền, trách nhiệm đồng thời phải báo cáo tham mưu đề xuất lên lãnh đạo cấp trên chỉ đạo kịp thời đối với các công việc mang tính chất sự vụ. Thời điểm báo cáo: báo cáo ngay sau khi có vụ việc phát sinh hoặc theo thời hạn yêu cầu.

- Chủ động yêu cầu cấp dưới của mình báo cáo theo thời hạn quy định để tổng hợp, nắm bắt tình hình, từ đó nhắc nhở, chấn chỉnh việc thực hiện của công chức.

Lãnh đạo cấp phó có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình giải quyết công việc, vướng mắc tồn đọng tại mảng công tác/ bộ phận được giao trách nhiệm vào thứ 6 hàng tuần báo cáo với cấp Trưởng để nắm và chỉ đạo tổng thể công việc toàn đơn vị.

- Khi tiếp thu ý kiến chỉ đạo hoặc yêu cầu của cấp trên thì chủ động xử lý (tự nghiên cứu hoặc giao công chức nghiên cứu) nhưng phải báo cáo, đề xuất đúng quy định và thời hạn theo yêu cầu.

- Hàng tuần hoặc trước thời điểm giao ban tháng 01 tuần, Trưởng đơn vị tham mưu có trách nhiệm báo cáo, tham mưu giúp Cục trưởng những vấn đề cần định hướng thực hiện thống nhất trong toàn Cục Hải quan, những vấn đề vượt thẩm quyền Cục đã báo cáo cấp trên nhưng chưa được giải quyết để Cục trưởng có kết luận, chỉ đạo kịp thời.

+ Đối với lãnh đạo Đội/Tổ thuộc Chi cục và tương đương:

- Lãnh đạo cấp Đội/Tổ phải có cơ chế theo dõi, kiểm tra và yêu cầu công chức báo cáo theo thời hạn quy định để tổng hợp, nắm tình hình, từ đó nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời việc thực hiện của công chức.

- Lãnh đạo Đội/Tổ có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo của công chức, chỉ đạo giải quyết ngay đối với những vụ việc vướng mắc theo thẩm quyền; những vụ việc phức tạp chưa được thống nhất hướng xử lý trong lãnh đạo Đội/Tổ, giữa lãnh đạo Đội/Tổ và công chức thừa hành, những trường hợp vượt thẩm quyền thì phải báo cáo lãnh đạo Chi cục xin ý kiến chỉ đạo. Thời điểm báo cáo: Báo cáo ngay hoặc chậm nhất trước 9h sáng hôm sau.

- Phó đội trưởng/Tổ phó có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình giải quyết công việc, vướng mắc phát sinh trong ngày của bộ phận được giao phụ trách với Đội trưởng/Tổ trưởng để nắm việc và chỉ đạo trong phạm vi thuộc thẩm quyền. Thời điểm báo cáo: Chậm nhất cuối ngày làm việc.

+ Đối với công chức thừa hành:

- Công chức tại các đơn vị có cấp Đội/Tổ thuộc Chi cục: Mỗi công chức có trách nhiệm báo cáo lãnh đạo Đội/Tổ phụ trách trực tiếp hoặc lãnh đạo Đội/Tổ trực nghiệp vụ về kết quả công việc được giao trong ngày: trong đó tập trung báo cáo những vụ việc vướng mắc, tồn đọng, nguyên nhân và đề xuất hướng xử lý để xin ý kiến chỉ đạo. Thời điểm báo cáo: Chậm nhất cuối ngày làm việc. Hình thức báo cáo: Bằng văn bản hoặc báo cáo trực tiếp.

* Dự kiến kế hoạch triển khai

Bảng 3.7 : Dự kiến kế hoạch triển khai, thực hiện giải pháp 3 trong thời gian từ tháng 01/2019 - tháng 9/2019

Việc cần làm	2019								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến									
Lập kế hoạch (có ngân sách)									
Xác định các lĩnh vực kiểm tra nội bộ									
Lựa chọn các hồ sơ thực hiện kiểm tra sau thông quan để thanh tra, kiểm tra nội bộ									
Xử lý vi phạm và khắc phục hậu quả									
Rút kinh nghiệm									

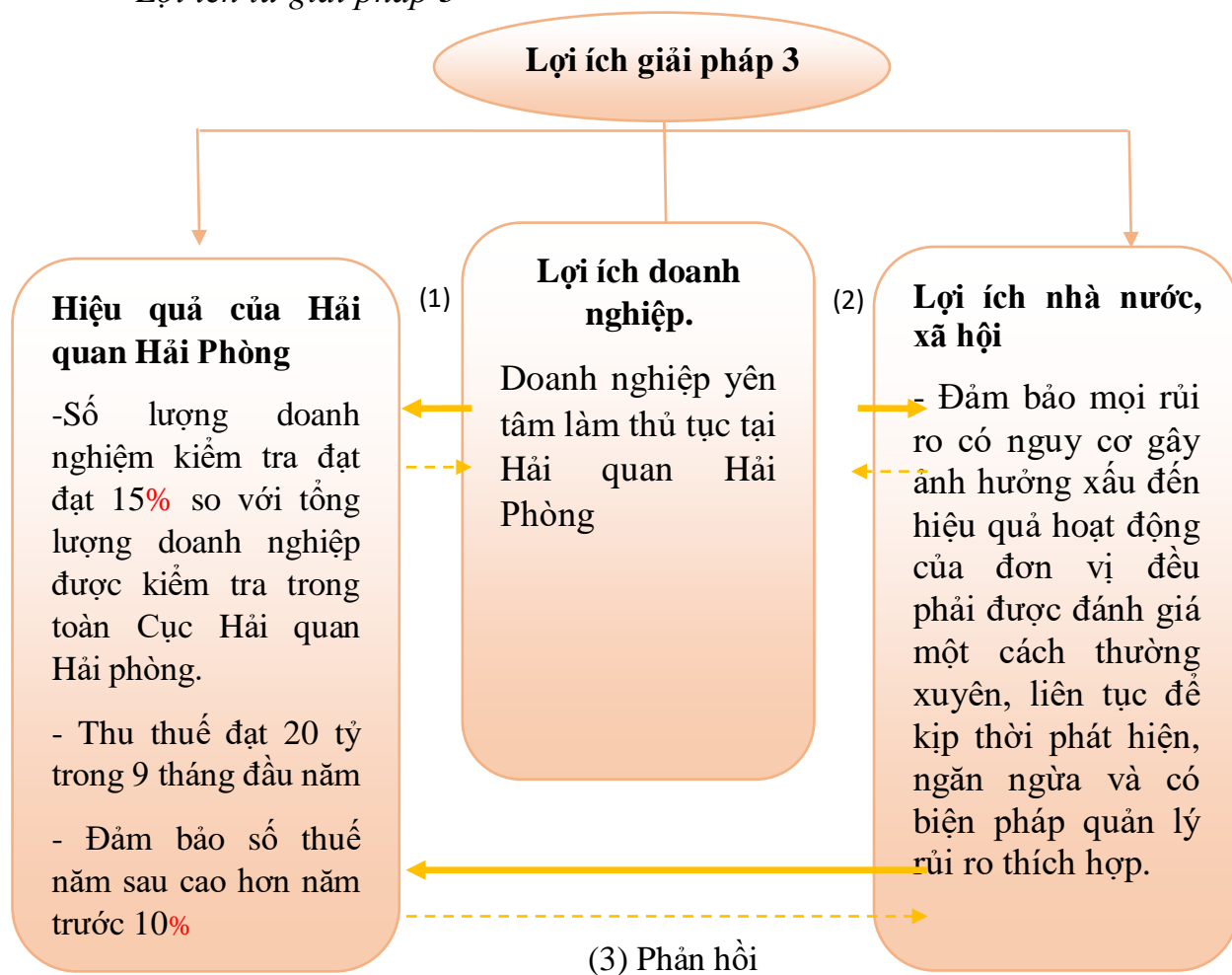
* Dự kiến kinh phí thực hiện giải pháp 3

Bảng 3.8.: Dự toán chi phí thực hiện giải pháp 3

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng chi phí
1	Lập kế hoạch, ngân sách dự kiến	30
2	Thông báo cho doanh nghiệp	10
3	Trang thiết bị, máy móc	15
4	Chi phí ăn, ở và đi lại	300
Tổng		355

** Lợi ích từ giải pháp 3*



Sơ đồ 3.3: Lợi ích của giải pháp 3

** Điều kiện và khuyến nghị*

Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước lãnh đạo đơn vị trước pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị được giao phụ trách.

Khi có sự thay đổi về thực hiện quy trình nghiệp vụ, Trưởng các đơn vị phải tổ chức, rà soát, nhận dạng các rủi ro liên quan, các vướng mắc phát sinh để sửa đổi, bổ sung cơ chế quản lý, kiểm soát nội bộ cho phù hợp.

Có sự phân công trách nhiệm, giao việc, ủy quyền đối với từng nội dung công việc, đảm bảo cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng bộ phận, cán bộ lãnh đạo và công chức thừa hành; một việc chỉ được giao cho một người chịu trách nhiệm thực hiện, tránh sự phân công chồng chéo, tránh vì mục đích cá nhân để vi phạm các quy định nội bộ và quy định của pháp luật.

Lãnh đạo các cấp phải có nhật ký công việc để theo dõi, kiểm tra và kiểm soát công việc của CBCC dưới quyền, đặc biệt là công việc tồn đọng, qua đó đánh giá được tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, năng lực trình độ của từng người, từ đó bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc đồng thời làm cơ sở xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân khi xảy ra sai phạm.

Lãnh đạo các cấp thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra trực tiếp hiện trường, qua đó có chỉ đạo sát sao, xử lý tình huống phát sinh cũng như chấn chỉnh kịp thời công chức trong thực thi nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan.

Khi xử lý công việc cụ thể, trường hợp nếu cấp Phó của đơn vị có ý kiến khác với ý kiến của cấp Trưởng thì có quyền bảo lưu ý kiến bằng văn bản để làm cơ sở cho khen thưởng và xử phạt hoặc quy trách nhiệm sau này.

Đảm bảo mọi vướng mắc phát sinh trong hoạt động của đơn vị phải được báo cáo đầy đủ, kịp thời và xử lý đúng thời hạn theo quy định.

Đảm bảo cán bộ, công chức đều được quán triệt về tầm quan trọng của công tác kiểm tra sau thông quan đối với nhiệm vụ thu thuế của Cục Hải quan Tp Hải Phòng; nắm vững trách nhiệm của mình trong hoạt động quản lý, kiểm soát nội bộ và phải tham gia thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các quy định của cơ chế quản lý, kiểm soát nội bộ liên quan.

3.4. Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, tác giả đã trình bày xu hướng chiến lược của Hải quan Việt Nam hội nhập với Hải quan thế giới giai đoạn 2019-2023, định hướng chiến lược phù hợp với xu hướng của Hải quan Việt Nam của Hải quan Hải Phòng. Trên cơ sở hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kiểm tra sau thông quan. Chương 3 cũng trình bày chi tiết ba giải pháp cơ bản giải quyết các vấn đề tồn tại của thực trạng về kiểm tra sau thông quan mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu. Các giải pháp bao gồm: Hoàn thiện quy trình để nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu; Xây dựng chế tài xử phạt trong hoạt động kiểm tra sau thông quan nhập khẩu hàng tiêu dùng tại Hải quan Hải Phòng; Hoàn

thiện nội quy khen thưởng và xử phạt đối với cán bộ công chức Hải quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác KTSTQ hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải quan Hải Phòng.

Mỗi giải pháp đều được trình bày thống nhất theo các mục là mục tiêu giải pháp, căn cứ đề xuất giải pháp, nội dung cụ thể, kế hoạch thực hiện cụ thể, chí phí thực hiện cho mỗi cuộc kiểm tra và lợi ích của giải pháp trên khía cạnh nhà nước, cá nhân doanh nghiệp được kiểm tra nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp nói chung.

Trong những năm sắp tới, lãnh đạo Cục Hải quan TP Hải Phòng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động hậu kiểm đáp ứng yêu cầu cải cách hiện đại hóa Hải quan, định hướng chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách được giao. Chú trọng nâng cao công tác thu thập, phân tích thông tin phục vụ hoạt động hậu kiểm và công tác xác minh thông tin, xử lý kết quả hậu kiểm, đặc biệt trong lĩnh vực kiểm tra trị giá, nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ (kiểm tra, kiểm toán, xác minh, điều tra,...) của cán bộ công chức làm công tác hậu kiểm. Trước mắt, Cục Hải quan Hải Phòng nhanh chóng tham mưu trình Tổng cục Hải quan có kế hoạch cụ thể để các đơn vị trực thuộc tập trung hậu kiểm các lĩnh vực đối với doanh nghiệp có kim ngạch nhập khẩu lớn, có dấu hiệu vi phạm, rủi ro cao...

Cục tiếp tục triển khai kiểm tra doanh nghiệp đánh giá tuân thủ pháp luật, kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm, đồng thời chú trọng phân tích thông tin để kịp thời kiểm tra các DN, mặt hàng, nhóm mặt hàng có rủi ro cao, có dấu hiệu vi phạm lớn như kiểm tra về trị giá, mã số: Ô tô nguyên chiếc, vỏ xe, linh kiện ô tô.. Đồng thời, đơn vị tiếp tục tập trung kiểm tra các DN thuộc danh sách DN trọng điểm về có rủi ro cao, hoạt động XNK phức tạp và thực hiện thủ tục hải quan tại nhiều địa phương khác nhau; kiểm tra làm mẫu các lĩnh vực, vấn đề nổi cộm để chỉ đạo, hướng dẫn hải quan địa phương thực hiện.

Về tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xử lý, Tổng cục Hải quan cũng như các đơn vị có thực hiện công tác xử phạt VPHC thường

xuyên tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ xử phạt VPHC chuyên sâu; phổ biến kinh nghiệm, các tình huống thường gặp trong quá trình xử phạt VPHC trong các lĩnh vực khác nhau để các đơn vị cùng học tập, rút kinh nghiệm.

Đối với các cấp được giao thẩm quyền xử phạt VPHC, cần rà soát, xây dựng phương án bố trí hệ thống tổ chức và cán bộ làm công tác tham mưu xử lý phù hợp với yêu cầu của công việc. Lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, am hiểu pháp luật, chuyên môn sâu, có kinh nghiệm trong thực tiễn để đảm đương công tác xử lý vi phạm...

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như thông qua các hình thức tuyên truyền trực tiếp khác để giúp các doanh nghiệp, cá nhân liên quan nắm rõ các quy định của pháp luật về xử lý VPHC cũng là một trong những giải pháp quan trọng được ngành hải quan đẩy mạnh thực hiện trong thời gian tới.

Về công tác quản lý cán bộ công chức hải quan, công chức cần bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ. Các đơn vị liên quan duy định toàn diện, khách quan, cụ thể về cơ chế quản lý, kiểm soát nội bộ và chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong quá trình thực hiện. Chế độ thông tin, báo cáo đầy đủ và kịp thời về các nội dung vấn đề phát sinh tại các đơn vị thuộc Cục. Từ đó, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ của CBCC; đẩy mạnh cải cách, thực hiện nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật hành chính, hướng tới sự chuyên nghiệp toàn diện trong hoạt động công vụ của Cục Hải quan Tp. Hải Phòng.

PHẦN KẾT LUẬN & KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Thông qua nghiên cứu đề tài “**Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu tại Hải Quan Hải Phòng**”, tác giả đã cơ bản đạt được mục đích đề ra ban đầu của luận văn, đó là:

- Luận giải cơ sở lý luận về hải quan, kiểm tra sau thông quan và vai trò của kiểm tra sau thông quan trong hoạt động hải quan hiện đại.

- Phân tích và đánh giá thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan Hải Phòng. Đặc biệt đi sâu phân tích các vấn đề thực trạng là căn cứ để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sau thông quan hàng tiêu dùng nhập khẩu.

- Bước đầu đề xuất 3 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan đối với hàng tiêu dùng nhập khẩu.

Bên cạnh đó, luận văn này cũng chỉ ra được lợi ích của việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan doanh nghiệp tiêu dùng nhập khẩu.

Mặc dù còn thiếu nhiều thời gian để tìm hiểu và nghiên cứu sâu hơn về kiểm tra sau thông quan tại Hải quan Hải Phòng cho từng đối tượng doanh nghiệp khác nhau; cũng như việc triển khai rộng rãi các giải pháp đó, nhưng các vấn đề được lý giải và phân tích ở ba chương của luận văn có thể được sử dụng như những cơ sở lý luận và có thể áp dụng cho việc nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan ở Cục Hải quan Hải Phòng.

Tuy nhiên, do nhận thức và thời gian thực hiện đề tài còn hạn chế và nguồn tài liệu chưa thật sự đầy đủ, nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, khiếm khuyết trong quá trình làm đề tài. Các biện pháp thực hiện chỉ có tính chất định hướng và còn cần điều chỉnh, bổ sung nhiều khi áp dụng vào thực tế

để có thể phát huy được hiệu quả cao nhất trong lĩnh vực hải quan nói chung và kiểm tra sau thông quan nói riêng.

2. Khuyến nghị

Qua phân tích và đánh giá thực trạng công tác kiểm tra sau thông quan tại Cục Hải quan TP Hải Phòng cũng như các tìm hiểu về kiểm tra sau thông quan, đề tài luận văn xin đưa ra một số khuyến nghị sau:

Một là, Các cơ quan nhà nước nên ban hành các nghị quyết và quyết định về nâng cao hiệu quả hải quan tại Hải Phòng, tạo hành lang pháp lí để hải quan có cơ sở chắc chắn và vững vàng để hoạt động. Tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp nhập khẩu có thể tiếp cận được với thay đổi về cơ chế chính sách liên quan đến kiểm tra sau thông quan Hải quan Hải Phòng.

Hai là, cần có kế hoạch về ngân sách để tiếp phát triển và nâng tầm Hải quan Hải Phòng nói riêng và Hải quan Việt Nam nói chung, thu hút nhiều hơn nữa doanh nghiệp làm thủ tục tại Cục Hải quan Hải Phòng.

Ba là, các bộ phận liên quan cần phải tập trung chuẩn bị, nghiên cứu, lên kế hoạch nâng cao hiệu quả các kiểm tra sau thông quan, nguồn thu ổn định cho Hải quan Hải Phòng. Ban lãnh đạo cấp cao cần có hướng chỉ đạo đúng đắn, để việc triển khai và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan đi đúng hướng phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế trên cơ sở áp dụng hệ thống phân tích tự động trong thời đại công nghệ 4.0, hạn chế tác động chủ quan từ công chức hải quan, giảm thiểu tiêu cực phát sinh trong quá trình kiểm tra sau thông quan. Đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin văn bản liên quan về công tác kiểm tra sau thông quan của hải quan các đối tượng cần thiết có nhu cầu nghiên cứu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 193/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 97/2007/NĐ-CP và Nghị định số 18/2009/NĐ-CP*, Hà Nội.
2. Bộ Tài Chính (2015), *Thông tư số: 39/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 sửa đổi bổ sung, Thông tư số: 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế nhập khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
3. Bộ Tài Chính, Tổng cục Hải quan (2015), *Quyết định số 1410/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 5 năm 2015 về việc ban hành quy trình kiểm tra sau thông quan*, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan (2018), *Quyết định số 4273/QĐ-TCHQ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về việc ban hành quy chế kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm nghiệp vụ trong ngành hải quan*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan (2018), *Quyết định số 1484/QĐ-TCHQ ngày 16 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành tiêu chí lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng chuyên gia về trị giá hải quan và chuyên gia về phân loại hàng hóa*, Hà Nội.
6. Bộ Tài Chính, Tổng cục Hải quan (2018), *Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ ngày 15 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan*, Hà Nội.
7. Nguyễn Thành Biên (2015), *Hoàn thiện cơ chế kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu tại cục hải quan tỉnh Hà Giang*, Luận văn thạc sĩ Quản lý Kinh tế chương trình định hướng thực hành, Trường Đại học Kinh tế Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Nguyễn Thị Quỳnh Chi (2011), *Hoàn thiện hoạt động kiểm tra sau thông quan ở nước ta trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại thương.
9. Cục Hải quan Hải Phòng (2014), *Báo cáo Tổng kết năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*, Hải Phòng.
10. Cục Hải quan Hải Phòng (2015), *Định hướng chiến lược trong xu thế hội nhập Hải quan giới giai đoạn 2016-2020*, Hải Phòng.
11. Cục Hải quan Hải Phòng (2015): *Báo cáo Tổng kết năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016*, Hải Phòng.
12. Cục Hải quan Hải Phòng (2016): *Báo cáo Tổng kết năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*, Hải Phòng.
13. Cục Hải quan Hải Phòng (2017): *Báo cáo Tổng kết năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018*, Hải Phòng.
14. Cục Hải quan TP Hải Phòng (2017): *Quyết định số 2206, 2207/QĐ-HQHP ngày 06/06/2017 công bố Chính sách chất lượng, Mục tiêu chất lượng và Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 giai đoạn 2017-2018*, Hải Phòng.
15. Chi cục Kiểm tra sau thông quan (2018), *Các biện pháp kiểm soát quản lý rủi ro trong kiểm tra sau thông quan*, Hải Phòng.
16. Chính Phủ (2018), *Nghị định số: 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số: 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, Hà Nội.
17. Nguyễn Hiền (2018), Bàn giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra sau thông quan, <https://baomoi.com/ban-giai-phap-nang-cao-hieu-qua-kiem-tra-sau-thong-quan/c/25726692.epi>, xem 06/06/2018.
18. Vĩnh Khang (2018), Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan. <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/37056702-nang-cao-hieu-qua-cong-tac-kiem-tra-sau-thong-quan.html>, truy cập ngày 22/07/2018.

19. Trần Thị Na, (2011). *Hoàn thiện tổ chức kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa nhập khẩu do Hải quan Việt Nam thực hiện*. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
20. Trần Vũ Minh (2007), *Mô hình kiểm tra sau thông quan ở một số nước trên thế giới và khả năng áp dụng cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Ngoại thương.
21. Phạm Duy Liên, (2004). *Một số vấn đề cơ bản về nghiệp vụ hải quan*. Hà Nội, Nhà xuất bản Thống kê.
22. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Hải quan* ban hành ngày 23/06/2014, số hiệu 54/2014/QH13, Hà Nội.
23. Nguyễn Anh Tài, (2012), *Hiệp định tạo thuận lợi thương mại trong khuôn khổ WTO và kế hoạch thực hiện của Hải quan Việt Nam*. Đề án cấp ngành, Tổng cục Hải quan.
24. Hoàng Đức Thân và Nguyễn Thị Xuân Hương, (2009). *Giáo trình Kinh tế Hải quan*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
25. Văn Bá Tín, (2012). *Nghiên cứu phương pháp Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong thông quan điện tử*. Đề án cấp ngành, Tổng cục Hải quan.
26. Tổng Cục Hải quan (2017), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan*,
<https://www.customs.gov.vn/Lists/TinHoatDong/ViewDetails.aspx?ID=24897&Category=Tin%20n%E1%BB%95i%20b%E1%BA%ADt>, xem 02/06/2018.
27. Tổng Cục Hải quan (2017), *Công văn số 905/TCHQ-TXNK ngày 17/02/2017 quy định về một số mặt hàng tập trung kiểm tra về trị giá*, Hà Nội.
28. Tổng Cục Hải quan (2018), *Tài liệu tập huấn tại hội nghị tập huấn công tác kiểm tra sau thông quan lần thứ 11*, Đà Lạt.
29. Hoàng Tùng, (2010). *Bàn về quy trình kiểm tra sau thông quan trong hoạt động quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu của Hải quan Việt Nam*. Tạp chí khoa học và công nghệ, số 21, trang 7.

30. Nguyễn Văn Thọ (2016), *Cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất giải pháp kiểm soát chống hàng giả có nguồn gốc nhập khẩu đến năm 2020*, Cục Điều tra chống buôn lậu, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành.

Tài liệu tiếng Anh:

31. ASEAN (2012) Agreement on Customs, Signed in Phnom Penh, Cambodia, on 30 March 2012.

32. Customs and Tariff Bureau Ministry of Finance, Japan (2018), Japan Customs, cooperating with businesses and government authorities around the world, achieves its Missions.

33. Mclinden, G., Fanta, E., D., and Doyle, T. (eds) (2011), Border Management Modernization, Widdowson, World Bank, Washington DC.

34. US - ASEAN (2016), ASEAN Customs Initiative, <https://www.usasean.org/regions/asean/afta/asean-customs-initiative>, Last updated: 17 September 2016.

35. World Customs Organization June 2012 (Updated in June 2018), Guidelines for post-clearance audit (PCA).

36. World Bank (2016), Post Clearance Audit: Reference and Implementation Guide.